

Hà Nội, ngày **28** tháng **8** năm **2013**

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt 03 chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trung cấp chuyên nghiệp các ngành Du lịch, Điều dưỡng, Công nghệ thông tin**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính Phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính Phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020” (gọi tắt là Đề án Ngoại ngữ Quốc Gia 2020);

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định 03 Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trung cấp chuyên nghiệp các ngành Du lịch, Điều dưỡng, Công nghệ thông tin,

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt 03 chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trung cấp chuyên nghiệp các ngành Du lịch, Điều dưỡng, Công nghệ thông tin (kèm theo Quyết định này) để thí điểm giảng dạy trong các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp.

- Đối tượng triển khai thí điểm: Các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp có đào tạo các ngành Du lịch, Điều dưỡng, Công nghệ thông tin trên toàn quốc.

- Thời gian dạy thí điểm: Từ năm 2013 - 2015.

Sau khi hoàn thành thí điểm đào tạo, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đánh giá kết quả thí điểm đào tạo. Căn cứ kết quả đánh giá, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ xem xét để có kế hoạch nhân rộng chương trình này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan (ghi tại Điều 1) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thủ trưởng (để biết);
- BPTT- ĐANNQG 2020 (để phối hợp);
- Website của Bộ GDĐT (để thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ GDCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**



Việt Nam



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CHƯƠNG TRÌNH THÍ ĐIỂM**  
**ĐÀO TẠO TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG**  
**TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 3340/QĐ-BGDĐT  
Ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Hà Nội 7/2013**

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>1</b>
1.1. Sự cần thiết xây dựng chương trình	1
1.2. Thời lượng	1
1.3. Phạm vi sử dụng	2
<b>2. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>2</b>
2.1. Căn cứ pháp lý	2
2.2. Căn cứ lý luận	3
2.3. Căn cứ thực tiễn	4
2.3.1. Trình độ đầu vào	4
2.3.2. Thực trạng dạy và học tiếng Anh điều dưỡng tại các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp	4
<b>3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>6</b>
3.1. Đối tượng tham gia chương trình	6
3.2. Mục tiêu chung của chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN	6
3.3. Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN từ Bậc 1 lên Bậc 2	6
3.3.1. Mục tiêu tổng quát	6
3.3.2. Mục tiêu cụ thể	7
3.3.3. Nội dung	8
3.3.4. Kiểm tra và đánh giá	12
3.3.4.1. Đánh giá quá trình	12
3.3.4.2. Đánh giá cuối kỳ	12
3.4. Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN từ Bậc 2 lên Bậc 3	14
3.4.1. Mục tiêu tổng quát	14
3.4.2. Mục tiêu cụ thể	15
3.4.3. Nội dung	16
3.4.4. Kiểm tra và đánh giá	20

3.4.4.1.	Đánh giá quá trình	20
3.4.4.2.	Đánh giá cuối kỳ	20
3.5.	Hướng dẫn thực hiện chương trình	22
3.5.1.	Yêu cầu về đối tượng tham gia	22
3.5.2.	Điều kiện thực hiện chương trình	22
3.5.3.	Phạm vi thực hiện	22
3.5.4.	Phương pháp dạy-học	22
3.5.4.1.	Các hoạt động dạy-học cho chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN Bậc 1 lên Bậc 2	24
3.5.4.2.	Các hoạt động dạy-học cho chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN Bậc 2 lên Bậc 3	25
3.5.5.	Tài liệu dạy-học	27
3.5.6.	Đội ngũ tham gia chương trình	28
3.5.7.	Cơ sở vật chất đảm bảo dạy-học	28
<b>4.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>29</b>
<b>5.</b>	<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>29</b>

## **1. GIỚI THIỆU**

### **1.1. Sự cần thiết xây dựng chương trình**

Trong quá trình toàn cầu hóa, tiếng Anh được xem như một ngôn ngữ giao tiếp thông dụng nhất đặc biệt hữu ích phục vụ cho việc trao đổi kinh tế, văn hoá... trên toàn thế giới, do đó việc dạy và học tiếng Anh đã và đang được đặc biệt chú trọng ở tất cả các bậc học. Theo thống kê của “*Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020*” tỉ lệ học sinh học ngoại ngữ đã tăng đáng kể: từ 76,8% năm 2002 lên 85,4% năm 2003. Tiếng Anh là môn học bắt buộc ở hầu hết các trường. Riêng các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), học sinh tham gia học tiếng Anh chiếm 99,4%. Chương trình ngoại ngữ được xây dựng trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, với số tiết quy định từ 60 tiết đến 210 tiết tùy theo hệ tuyển và thời gian đào tạo.

Tuy nhiên, chương trình chỉ đáp ứng được một số mục đích cơ bản như trang bị kiến thức ngữ pháp, đọc tài liệu chuyên môn ở cấp độ đơn giản, đáp ứng yêu cầu thi tuyển công chức. Việc giảng dạy môn tiếng Anh ở các cơ sở đào tạo phần lớn còn gặp nhiều khó khăn, chất lượng không đồng đều, khả năng giao tiếp của học sinh còn rất nhiều hạn chế. Thực trạng này là khá phổ biến đối với các cơ sở đào tạo TCCN. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ cho học sinh TCCN là việc làm hết sức cần thiết, đặc biệt đối với học sinh ngành Điều dưỡng. Khả năng vận dụng tiếng Anh tốt sẽ giúp học sinh tự tin để sẵn sàng gia nhập thị trường lao động trong và ngoài nước. Với những lý do nêu trên, điều cần thiết phải làm là biên soạn một chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường cho ngành Điều dưỡng dựa trên cơ sở tiếp nối chương trình tiếng Anh ở trung học cơ sở và tiếng Anh trung học phổ thông.

### **1.2. Thời lượng**

Chương trình gồm 2 phần: tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành Bậc 1 lên Bậc 2 và Bậc 2 lên Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thời lượng cho chương trình Bậc 1 lên Bậc 2 là 180 tiết, trong đó 60 tiết học trực tuyến hoặc phi trực tuyến cho tiếng Anh cơ bản và 30 tiết cho tiếng Anh chuyên ngành học tại lớp với sự hướng dẫn của giáo viên. Phần tự học của sinh viên là 90 tiết.

Thời lượng cho chương trình Bậc 2 lên Bậc 3 là 300 tiết, trong đó 90 tiết học trực tuyến hoặc phi trực tuyến cho tiếng Anh cơ bản và 60 tiết cho tiếng Anh chuyên ngành học tại lớp với sự hướng dẫn của giáo viên. Phần tự học của sinh viên là 150 tiết.

### **1.3. Phạm vi sử dụng**

Chương trình được dùng cho việc quản lý giảng dạy và học tập tiếng Anh tăng cường ở các cơ sở đào tạo TCCN; biên soạn tài liệu hướng dẫn chương trình; biên soạn, lựa chọn học liệu dạy và học tiếng Anh (giáo trình, sách bài tập, sách hướng dẫn giáo viên, tài liệu tham khảo và tài liệu điện tử...), định hướng phương pháp dạy học tiếng Anh tăng cường ở các cơ sở đào tạo TCCN; đánh giá kết quả học tập của học sinh; xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh.

## **2. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

### **2.1. Căn cứ pháp lý**

Theo “*Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020*” (ĐANNG 2020), việc dạy-học ngoại ngữ ở các cơ sở đào tạo TCCN được quy định như sau:

“Trình độ ngoại ngữ chung của học sinh sau khi tốt nghiệp cơ sở đào tạo TCCN đạt Bậc 3. Các cơ sở đào tạo cần tiến hành dạy học ngoại ngữ theo nhiều chương trình và thời lượng khác nhau nhằm đáp ứng trình độ đầu vào khác nhau. Các cơ sở đào tạo cần kiểm tra trắc nghiệm về năng lực ngoại ngữ của học sinh nhập học để sắp xếp chương trình theo học các chương trình ngoại ngữ phù hợp. Tùy theo điều kiện cụ thể của mình, các cơ sở đào tạo TCCN có thể xây dựng và tiến hành chương trình dạy và học ngoại ngữ đối với học sinh nhập học có trình độ đầu vào là Bậc 3 để đạt được bậc cao hơn nữa” (trang 29-30).

ĐANNG 2020 cũng nêu rõ trong phần mục tiêu cụ thể: “Triển khai chương trình đào tạo tăng cường môn ngoại ngữ đối với giáo dục nghề nghiệp cho khoảng 10% số lượng học sinh dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp vào năm học 2010 - 2011, 60% vào năm 2015 - 2016 và đạt 100% vào năm học 2019 - 2020”.

Theo “*Kế hoạch triển khai dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo năm 2012*”, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế được ĐANNG 2020

giao nhiệm vụ biên soạn chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN cho 3 ngành Điều dưỡng, Công nghệ thông tin và Du lịch.

## **2.2. Căn cứ lý luận**

Chương trình được biên soạn dựa trên các nguyên tắc sau:

*Nguyên tắc lấy việc học làm trung tâm (learning-centred):* Theo phương pháp lấy việc học làm trung tâm (learning-centred approach), học tập không còn là một quá trình tiếp thu kiến thức thụ động từ người dạy, mà đó là quá trình tương tác tích cực giữa người dạy và người học, giữa người học với nhau. Học sinh chủ động khám phá và lĩnh hội kiến thức qua quá trình thực hành (learning by doing). Nguyên tắc này đảm bảo sự phù hợp giữa nội dung chương trình và nhu cầu của người học, phát huy kỹ năng giải quyết vấn đề, suy nghĩ phản biện của người học.

*Nguyên tắc lồng ghép tiếng Anh chuyên ngành với tiếng Anh cơ bản:* Đảm bảo học sinh vừa đạt trình độ chung theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành vừa thấy được lợi ích của việc học tiếng Anh qua việc lồng ghép tiếng Anh chuyên ngành vào chương trình.

*Nguyên tắc bảo đảm tính tích cực chủ động của học sinh:* Đảm bảo việc phát huy thái độ tích cực đối với việc học tiếng Anh đồng thời cung cấp cho học sinh những trải nghiệm học tập tích cực nhằm mục đích đáp ứng mục tiêu của chương trình.

*Nguyên tắc phát triển đồng đều các kỹ năng nhưng có trọng điểm:* Đảm bảo phát triển hài hòa bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Tuy nhiên, tùy theo nhu cầu và trình độ thực của học sinh, có thể chú trọng nhiều hơn đến một hay hai kỹ năng mà học sinh còn yếu hay thiếu nhưng vẫn không bỏ quên các kỹ năng còn lại.

*Nguyên tắc chuỗi hệ thống chủ điểm và chủ đề:* Đảm bảo chương trình được thực hiện thông qua chuỗi hệ thống chủ điểm và chủ đề có liên quan chặt chẽ với nhau, có ý nghĩa và phù hợp.

*Nguyên tắc linh hoạt và mềm dẻo:* Đảm bảo tính linh hoạt và mềm dẻo của chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu dạy học tiếng Anh khác nhau trong bối cảnh có sự phân hóa trình độ đầu vào của học sinh TCCN. Học sinh có trình độ đầu vào khác nhau có thể chọn lựa chương trình phù hợp với trình độ của mình.

*Nguyên tắc bảo đảm kết quả đầu ra:* Đảm bảo sau khi học xong chương trình tiếng Anh tăng cường ngành Điều dưỡng, học sinh sẽ đạt trình độ ngoại

ngữ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (tương đương với cấp độ B1 của Khung năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu), theo quy định của ĐANNQG 2020.

### **2.3. Căn cứ thực tiễn**

Chương trình được xây dựng dựa vào kết quả khảo sát việc dạy và học tiếng Anh ngành Điều dưỡng ở các cơ sở đào tạo TCCN, đồng thời dựa trên đặc điểm học sinh, năng lực tiếng Anh đầu vào và bản chất việc làm của học sinh tốt nghiệp ngành Điều dưỡng.

#### **2.3.1. Trình độ đầu vào**

Qua phần tự đánh giá của học sinh về trình độ tiếng Anh (181 trên 274 học sinh tự đánh giá ở mức trình độ A, 89 học sinh đánh giá trình độ B và chỉ có 4 học sinh ở trình độ C), phần tự đánh giá của giáo viên (50% học sinh chỉ ở mức trình độ A) cho thấy trình độ tiếng Anh của học sinh không chênh lệch nhau lắm và đang ở mức trình độ A. Điều đáng chú ý, kết quả bài kiểm tra trình độ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu cho thấy trình độ học sinh xếp vào Bậc 2 (56,7%) và Bậc 1 (43,3%).

#### **2.3.2. Thực trạng dạy và học tiếng Anh điều dưỡng tại các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp**

##### **• Nhu cầu và mục đích học tiếng Anh**

Một trong những yếu tố quan trọng để xây dựng chương trình là nhu cầu của người học. Do nhu cầu thị trường lao động ngày càng có những đòi hỏi cao hơn về khả năng chuyên môn và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng nước ngoài trong công việc, đặc biệt là ngành Điều dưỡng trong việc chăm sóc bệnh nhân nước ngoài tại các bệnh viện trong và ngoài nước, nhu cầu tuyển dụng lao động rất cao nên học sinh của các cơ sở đào tạo TCCN đã ý thức được sự cần thiết này. Do vậy, động lực học tiếng Anh chuyên ngành của học sinh rất cao.

Từ kết quả khảo sát ngành Điều dưỡng ở các cơ sở đào tạo TCCN và các trường cao đẳng ở khu vực miền Trung và miền Nam cho thấy phần lớn học sinh (39,05%) chọn lý do học tiếng Anh để dễ tìm việc làm khi ra trường hoặc để đọc các tài liệu, sách hướng dẫn bằng tiếng Anh và để giao tiếp (32,48%). Tuy nhiên, cũng có 31,75% học sinh học tiếng Anh chỉ để đối phó với các kỳ thi ở trường. Vì vậy, các hoạt động trong chương trình giảng dạy nên hướng trọng tâm vào việc phát triển kỹ năng đọc (44,16%) và nói (36,56%) nhằm đáp ứng

nhu cầu của học sinh sau khi ra trường và cũng là nguyện vọng của học sinh được phản ánh qua kết quả khảo sát (55,84% học sinh cho rằng “cần thiết” phải cân đối lại việc phát triển 4 kỹ năng và 34,67% cho rằng “rất cần thiết”. Bên cạnh đó, qua phỏng vấn trực tiếp, học sinh cũng mong muốn được tăng cường nhiều từ vựng chuyên ngành bằng tiếng Anh để họ có thể đọc được tài liệu dễ dàng hơn thay vì tập trung nhiều vào các điểm ngữ pháp. Với động cơ đó, học sinh thấy được việc học tiếng Anh ở các cơ sở đào tạo là thiết thực, từ đó tạo cho họ hứng thú học tập.

Các hoạt động học trong giáo trình nên được thiết kế tập trung nhiều vào hoạt động theo nhóm hoặc theo cặp. Như vậy, học sinh có cơ hội để phát huy tính tích cực của mình và có cơ hội làm quen với cách thức làm việc theo nhóm hoặc cặp, một kỹ năng rất cần thiết cho họ trong công việc tương lai, đó cũng chính là nguyện vọng của học sinh phản ánh qua kết quả khảo sát (48,54% học sinh cảm nhận các “hoạt động theo nhóm” là “rất quan trọng và thích”, 45.26% cảm thấy hứng thú khi thực hành “theo cặp”, 7,66% cho rằng các “hoạt động làm theo lớp” là “rất quan trọng và thích”, 6,57% học sinh thích làm các “bài tập cá nhân”).

#### • **Giáo trình**

Nhân tố giáo trình giảng dạy cũng góp phần rất lớn đến quá trình dạy và học. Theo ý kiến của học sinh (48,71%), giáo trình họ đang học không phù hợp với nhu cầu và đã không gây hứng thú cho họ. Kết quả khảo sát này còn được phản ánh qua ý kiến của giáo viên, 4/6 giáo viên (66,7%) cho rằng giáo trình học đang giảng dạy ít hiệu quả. Thật vậy, để đáp ứng được nhu cầu giao tiếp cũng như khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp thì với giáo trình *English Know how 1* của nhà xuất bản Oxford, xuất bản năm 2003 trong thời lượng 60 tiết thì không thể đạt được mục tiêu.

Ngoài ra, theo học sinh, các nguyên nhân khác tác động nhiều đến kết quả học tập là phương pháp giảng dạy của giáo viên chưa thật sự hấp dẫn và lôi cuốn đối với học sinh (71,53%) và sĩ số trung bình mỗi lớp quá đông (52,92%), kể đến là do phương tiện học tập chưa đầy đủ (34,31%).

Bàn về thực trạng dạy và học, một yếu tố không thể không đề cập đến đó là thời gian học. Phần lớn giáo viên (5/6) đều cho rằng cần phải tăng thời gian học tiếng Anh lên so với thời gian hiện tại, đó là 60 tiết cho tiếng Anh cơ bản và 30 tiết đối với tiếng



Anh chuyên ngành. Đây cũng là ý kiến của phần đông các học sinh phản hồi qua bảng câu hỏi khảo sát.

- **Hình thức kiểm tra và đánh giá**

Hình thức kiểm tra cũng đóng một vai trò thiết yếu trong quá trình học. Điểm số phản ánh kết quả học tập của học sinh và cũng tạo ra một động cơ không nhỏ thúc đẩy việc học. Qua kết quả khảo sát, trên 65% học sinh nhận định các bài kiểm tra định kỳ lần đánh giá liên tục đều chưa chú trọng nhiều đến các kỹ năng mà còn nặng về phần kiến thức. Vì vậy, các hình thức kiểm tra đánh giá cũng cần đa dạng, phong phú và linh hoạt hơn, và cũng nên chú trọng cả kiến thức lẫn kỹ năng.

Đánh giá chung về thực trạng dạy và học tiếng Anh của học sinh TCCN ngành Điều dưỡng, có 66,7% giáo viên tham gia khảo sát cho rằng thực tế dạy và học tiếng Anh vẫn ít hiệu quả hoặc không hiệu quả. Do vậy, đa số các giáo viên tham gia trả lời bảng câu hỏi cũng như trả lời phỏng vấn đều đề nghị là cần có chương trình hỗ trợ tiếng Anh để nâng chuẩn đầu ra môn tiếng Anh của học sinh lên một mức cao hơn.

### **3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

#### **3.1. Đối tượng tham gia chương trình**

Đối tượng của chương trình là những học sinh đã học xong chương trình tiếng Anh cơ bản theo khung chương trình quy định cho các cơ sở đào tạo TCCN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nhưng trình độ ngoại ngữ vẫn chưa đạt Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam theo yêu cầu của *Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020*.

Do có sự phân hóa trình độ cao đối với học sinh TCCN nên những học sinh đã hoàn thành Bậc 1 thì tham gia học chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường Bậc 1 lên Bậc 2. Những học sinh đã đạt cấp độ 2 thì tham gia học chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường Bậc 2 lên Bậc 3.

#### **3.2. Mục tiêu chung của chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN**

Theo quy định của ĐANNG 2020, học sinh TCCN sau khi tốt nghiệp phải đạt trình độ tiếng Anh Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (tương đương với cấp độ B1 của Khung năng lực ngoại ngữ chung Châu

Âu). Do đặc thù công việc của ngành Điều dưỡng, học sinh có năng lực sử dụng khoảng 2000 từ vựng ngành Điều dưỡng vào công việc chuyên môn của mình.

### **3.3. Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN từ Bậc 1 lên Bậc 2**

#### **3.3.1. Mục tiêu tổng quát**

- Học sinh có thể hiểu câu và các cụm từ thông thường trong các chủ đề quen thuộc.
- Học sinh có thể giao tiếp ở cấp độ đơn giản, thực hiện các yêu cầu cơ bản và nắm bắt được thông tin khi giao tiếp trong các bối cảnh quen thuộc.
- Học sinh có thể dùng từ vựng đơn giản để miêu tả lý lịch cá nhân, bối cảnh trực tiếp hay những chủ đề về các nhu cầu cấp bách.

#### **3.3.2. Mục tiêu cụ thể**

**Kỹ năng nói**, học sinh có thể:

- Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về quê hương đất nước, công việc, thời gian rảnh rỗi, thích và không thích.
- Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về các sự kiện trong quá khứ. Ví dụ: hỏi và đáp về thời gian và nơi tổ chức buổi tiệc, những ai có mặt và chuyện gì đã xảy ra ở đó.
- Mời và chấp nhận hoặc từ chối lời mời một cách lịch sự.
- Xin lỗi và nhận lời xin lỗi.
- Nói về gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các vấn đề trong cuộc sống hằng ngày.
- Nói về các kinh nghiệm cá nhân, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão.
- Nêu lý do và giải thích các ý kiến hoặc kế hoạch cá nhân.

**Kỹ năng nghe**, học sinh có thể:

- Hiểu những thông tin và câu hỏi đơn giản về gia đình, con người, thành phố quê hương, công việc, sở thích ...
- Hiểu được các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày nếu được nói chậm, rõ ràng và có gợi ý.
- Hiểu được các đàm thoại ngắn về gia đình, sở thích và cuộc sống hằng ngày.
- Hiểu được các bản tin ngắn gọn, đơn giản ở sân bay và nhà ga xe lửa.
- Hiểu được các thông tin chính trong các thông báo, ví dụ: dự báo thời tiết.

**Kỹ năng đọc**, học sinh có thể:

- Hiểu được các bài khóa ngắn gọn, đơn giản có phần từ vựng quen thuộc.
- Tìm được những thông tin quan trọng nhất trong các quảng cáo, tờ rơi, trang web, catalogues, thời gian biểu ...
- Hiểu được các ý chính trong các bản tin ngắn, đơn giản nếu biết đôi chút về chủ đề đó.
- Hiểu được các thông điệp đơn giản từ bạn bè.

**Kỹ năng viết**, học sinh có thể:

- Viết về những chủ đề đơn giản, quen thuộc.
- Viết các thông điệp đơn giản, ví dụ: viết thư mời, hẹn gặp hoặc thay đổi lời mời, lời hẹn.
- Viết thư/lời nhắn/bưu thiếp cho bạn bè để thông báo tin tức cá nhân hoặc hỏi thăm.
- Sử dụng ngôn ngữ đơn giản để viết về các sự việc và con người mà bản thân biết rõ. Ví dụ: tả một người bạn, kể lại sự việc đã xảy ra ngày hôm qua ...
- Mô tả bản thân, gia đình và mọi người xung quanh.
- Mô tả nền tảng giáo dục cá nhân, công việc trước đây và hiện tại.
- Mô tả sở thích cá nhân.
- Mô tả thành phố quê hương, nơi bản thân đang sinh sống.
- Mô tả ngày nghỉ cuối tuần hoặc kỳ nghỉ vừa qua.

### 3.3.3. Nội dung

Nội dung được thiết kế để thực hiện việc dạy kết hợp giữa tiếng Anh cơ bản quy định cho Bậc 2<sup>1</sup> và phần kiến thức chuyên ngành dành cho ngành Điều dưỡng<sup>2</sup> theo hướng thực hành nghề nghiệp.

#### NỘI DUNG PHẦN KIẾN THỨC CƠ BẢN BẬC 1 LÊN BẬC 2

Chủ điểm (Topics)	Kỹ năng (Skills)	Chức năng/ Khái niệm (Functions/notions)	Ngữ pháp (Grammar)	Từ vựng (Vocabulary)
Home	Reading for	Describing things,	There is/ are	Furniture

<sup>1</sup> North, Ortega, Sheehan (2010)

Sarah Cunningham, Peter Moor Jane Comyns Carr (2006)

<sup>2</sup> Austin, D. and Crossfield, T. (1976)

and Family	general information Listening and gap filling	rooms in a house Describing family relationship	Have/has got Simple Present tense	Rooms Family trees
Hobbies and leisure activities	Speaking-Interview Speaking on the phone Reading for general information	Describing habits and routines Describing outdoor and indoor activities Expressing personal opinions about entertainment	Present Simple Adverbs of frequency Prepositional phrases (place, time and movement)	Sports Films Books
Shopping	Reading in details (skimming) Speaking- Pair work Conversation	Describing places, things Request Suggestion	Articles-with uncountable and countable nouns Much-many Any-some Verb-ING	Food and drink Things in the town, shops and shopping
People and places	Reading for general information (Scanning) Guided sentence building	Describing places, people Describing past experiences	Comparatives and superlatives with adjectives Using definite articles Future time (will and going to) Present continuous for future	Travel and services Means of transports Tickets Hotels

Work and jobs	Listening for general information Listening and gap-filling Speaking-interview Peer presentation	Obligation and necessity Describing duties	Modal verbs- have to, must, should Phrasal verbs Verbs +to infinitive	Adjectives of personality Work place Jobs Qualifications
School life	Listening for specific details Speaking- Questions and answers	Describing past experiences and events Expressing feelings	Past simple Wh-question in past Modal verbs- can could	School and college's subjects Types of examination Methods of learning
Foods and drinks	Listening for gists Speaking- Pair work	Describing kinds of food and drink Ordering and taking orders	Countable and uncountable nouns Modal verb: Would like +to-inf	Foods, Drinks Menu
The world around us	Reading for general information (scanning) Guided sentence building	Describing surroundings, animal life Expressing ability	Can and can't for ability Question words Use of articles	Animals and natural features

## NỘI DUNG PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH BẬC 1 LÊN BẬC 2

<b>Chủ điểm (Topics)</b>	<b>Kỹ năng (Skills)</b>	<b>Chức năng/ Khái niệm (Functions/notions)</b>	<b>Ngữ pháp (Grammar)</b>	<b>Từ vựng (Vocabulary)</b>
Daily job of a student nurse	Reading for specific details Writing with guided information	Talking about duties Describing job activities	Modal verbs Simple present tense	Temperature Medicine Injections
Sterile Procedures	Speaking-Interview Peer presentation Reading for general information	Describing sterile instruments Talking about jobs	Passive voice in present tense Prepositions of place	Medical instruments Sterile procedures
Body and health	Speaking Question-answer	Describing parts of the body and their functions Identifying location	Preposition of place (under, behind, in front of, over, on... Passive voice	Body parts Systems of the body
The need for good records	Reading for general information (Scanning) Guided sentence building	Learning how to write notes and records Identifying the abbreviations in nurses' memos	Passive voice in present continuous and simple past	Vocabulary in notes and records of nurses
Accidents and	Reading for specific	Describing events Expressing	Verb forms Revision on	Vehicles Injury and

Emergencies	information Speaking- interview Peer presentation	observation	tenses	wounds
Illness and diseases	Reading for general information (scanning) Reading and identifying structural words	Describing feelings Identifying diseases concerning with body systems	Relative pronouns Word transformation Words ending in suffix –ness Linking words to express contrast	Feelings Diseases and sickness Therapies and treatment
Pain and pain management	Reading notices and reports Writing short reports	Describing various kinds of pain Instructions to use drugs		Kinds of pain
Patients with diabetes	Listening for gists Speaking- Pair work	Describing patient's condition Asking for feelings Describing injection steps	Tag questions Prepositions Giving instructions	Feelings Instruments of injection

#### **3.3.4. Kiểm tra và đánh giá**

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm cung cấp thông tin phản hồi về sự tiến bộ và kết quả học tập học sinh đạt được trong quá trình học cũng như thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần bám sát mục tiêu và nội dung giảng dạy của chương trình, dựa trên mục tiêu đã đặt ra cho bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

### 3.3.4.1. Đánh giá quá trình

Mục tiêu của đánh giá quá trình là giúp cho giáo viên cũng như học sinh theo dõi được sự tiến bộ trong việc thực hiện các mục tiêu của chương trình đặt ra. Bài đánh giá quá trình được thiết kế dưới các thể loại bài tập để kiểm tra cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Trong đó, kỹ năng nói được thể hiện dưới dạng phỏng vấn hoặc đối thoại theo cặp hoặc trình bày nhóm trước lớp. Các nội dung chuyên ngành không đưa vào đánh giá cuối kỳ mà sẽ đưa vào kiểm tra quá trình với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

### 3.3.4.2. Đánh giá cuối kỳ

Việc đánh giá cuối kỳ, thực hiện tại thời điểm cuối học kỳ hoặc cuối năm học sẽ giúp đánh giá mức độ đạt được cuối cùng của các mục tiêu cụ thể của chương trình. Đánh giá cuối kỳ được thực hiện để kiểm tra 4 kỹ năng dựa trên tiêu chí về năng lực đầu ra làm cơ sở cho các quyết định đánh giá của giáo viên đối với học sinh. Các hình thức kiểm tra căn cứ chủ yếu vào các dạng thức đề thi Bậc 1, Bậc 2 và Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

Hoạt động đánh giá cuối kỳ cho chương trình<sup>3</sup> bao gồm:

<b>Kỹ năng</b>	<b>Mục tiêu cụ thể</b>	<b>Hoạt động đánh giá</b>
<b>Nói</b>	Học sinh có thể: - Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về quê hương, đất nước, công việc, thời gian rảnh rỗi, thích và không thích. - Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về các sự kiện trong quá khứ. - Nói về gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các vấn đề trong cuộc sống hằng ngày. - Nói về các kinh nghiệm cá nhân, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão.	- Học sinh tham gia phỏng vấn với giáo viên. - Thảo luận theo cặp.
<b>Nghe</b>	Học sinh có thể: - Hiểu những thông tin và câu hỏi đơn giản về gia đình, con người, thành phố quê hương, công việc, sở thích ... - Hiểu được các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày nếu được nói chậm, rõ ràng và có gợi ý.	- Nghe và chọn 1 trong 3 phương án với hình ảnh. - Nghe đối thoại dài

<sup>3</sup> CEF (2001)



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được các đàm thoại ngắn về gia đình, sở thích và cuộc sống hằng ngày.</li> <li>- Hiểu được các thông tin chính trong các thông báo, ví dụ: dự báo thời tiết ...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>và lựa chọn cho phù hợp với 8 câu gợi ý.</li> <li>- Nghe đối thoại dài và lựa chọn với 3 phương án.</li> <li>- Nghe đối thoại dài và điền vào chỗ trống.</li> </ul>
<b>Đọc hiểu</b>	<p>Học sinh có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được các bài khóa ngắn gọn, đơn giản có phần từ vựng quen thuộc.</li> <li>- Tìm được những thông tin quan trọng nhất trong các quảng cáo, thời gian biểu, trang web...</li> <li>- Hiểu được các ý chính trong các bản tin ngắn, đơn giản nếu biết đôi chút về chủ đề đó. Ví dụ: tin về các dịch bệnh, các quy tắc giữ gìn vệ sinh...</li> <li>- Hiểu được các thông điệp đơn giản từ bạn bè qua tin nhắn, thư điện tử, bưu ảnh...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và lựa chọn với 8 bảng thông báo.</li> <li>- Đọc và nhận dạng từ vựng qua 3 phương án.</li> <li>- Đọc và chọn lựa lời đáp phù hợp cho hội thoại.</li> <li>- Đọc lấy thông tin chi tiết với 3 lựa chọn.</li> <li>- Đọc và nhận biết những từ, cụm từ và cấu trúc phù hợp qua 3 phương án.</li> </ul>
<b>Viết</b>	<p>Học sinh có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết những thông điệp đơn giản, ví dụ viết thư mời, hẹn gặp hoặc thay đổi lời mời, lời hẹn ..với những từ gợi ý.</li> <li>- Sử dụng ngôn ngữ đơn giản để viết về các sự việc và con người mà bản thân biết rõ. Ví dụ: tả một người bạn, kể lại sự việc đã xảy ra ngày hôm qua ...</li> <li>- Mô tả sở thích cá nhân.</li> <li>- Mô tả ngày nghỉ cuối tuần hoặc kỳ nghỉ vừa qua.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết từ theo định nghĩa.</li> <li>- Điền từ để hoàn thành một lá thư mời hoặc thông báo.</li> <li>- Tìm thông tin từ những thông báo và lá thư để điền vào những ghi chú.</li> </ul>

		- Viết một lá thư điện tử trả lời đầy đủ những yêu cầu của câu hỏi.
--	--	---

### **3.4. Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN từ Bậc 2 lên Bậc 3**

#### **3.4.1. Mục tiêu tổng quát**

- Học sinh có thể hiểu những ý chính trong ngôn ngữ thông qua các chủ đề quen thuộc thường gặp trong công việc, ở trường học hay khu vui chơi.
- Học sinh có thể thực hiện được các tình huống giao tiếp cũng như khả năng giải quyết các tình huống nảy sinh trong công việc.
- Học sinh có thể viết về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hoặc các vấn đề liên quan đến sở thích cá nhân, nghề nghiệp, công việc.
- Học sinh có thể miêu tả các sự kiện, các lễ hội, phong tục tập quán của một số vùng miền trong nước và một số vùng trên thế giới.

#### **3.4.2. Mục tiêu cụ thể**

**Kỹ năng nói**, học sinh có thể:

- Bắt đầu và kết thúc hội thoại về các đề tài quen thuộc hoặc sở thích cá nhân.
- Đưa ra ý kiến cá nhân trong thảo luận với bạn bè, đồng ý hoặc không đồng ý một cách lịch sự.
- Giao tiếp qua điện thoại với những người quen biết.
- Mô tả về các chủ đề quen thuộc khác nhau liên quan đến sở thích.
- Nói về những trải nghiệm và cảm xúc cá nhân.
- Trình bày ngắn gọn về các lĩnh vực quen thuộc và trả lời các câu hỏi một cách rõ ràng.

**Kỹ năng nghe**, học sinh có thể:

- Hiểu những ý chính của ngôn ngữ chuẩn mực về các đề tài quen thuộc hàng ngày.
- Hiểu rõ những ý chính trong các cuộc thảo luận về các đề tài thường gặp.
- Hiểu những thông tin đơn giản về kỹ thuật như cách vận hành, sử dụng các đồ dùng đơn giản trong gia đình.

**Kỹ năng đọc**, học sinh có thể:

- Hiểu ý chính trong các bài đọc liên quan đến sở thích cá nhân, các lĩnh vực trong đời sống hằng ngày.
- Hiểu những thông tin trong các tờ rơi quảng cáo hoặc các bài đọc ngắn liên quan đến công việc.
- Hiểu ý chính của các bài báo trong tạp chí về những vấn đề thời sự hoặc đề tài quen thuộc.
- Hiểu được các bức thư cá nhân về các sự kiện, cảm xúc hoặc ước muốn và có khả năng phúc đáp.

**Kỹ năng viết**, học sinh có thể:

- Viết những bài viết ngắn về các chủ đề quen thuộc.
- Viết những bài viết đơn giản về các trải nghiệm và cảm xúc cá nhân qua các chuyến đi.
- Viết thư điện tử, tin nhắn ngắn gọn cho bạn bè hoặc đồng nghiệp.

### 3.4.3. Nội dung

Nội dung được thiết kế để thực hiện việc dạy kết hợp giữa tiếng Anh cơ bản quy định cho Bậc 3<sup>4</sup> và phần kiến thức chuyên ngành dành cho ngành Điều dưỡng<sup>5</sup> theo hướng thực hành nghề nghiệp.

#### NỘI DUNG PHẦN KIẾN THỨC CƠ BẢN BẬC 2 LÊN BẬC 3

Chủ điểm (Topics)	Kỹ năng (Skills)	Chức năng/ Khái niệm (Functions/notions)	Ngữ pháp (Grammar)	Từ vựng (Vocabulary)
Education	Speaking- Pair work Questions- Answers Individual presentation Listening for	Describing subjects Describing school life, school regulations	Past tense Past continuous Modals: mustn't/can't Comparatives and	Learning facilities Systems of education Qualifications

<sup>4</sup> North, Ortega, Sheehan (2010)

Sarah Cunningham, Peter Moor Jane Comyns Carr (2006)

<sup>5</sup> Austin, D. and Crossfield, T. (1976)

	specific details		superlatives	
News	Peer interview Intensive questions-answers Paragraph writing	Initiating and closing conversation Describing means of communication Giving and responding to reports	Intensifiers such as <i>too</i> , <i>enough</i> Complex tag questions Passive voices Phrasal verbs	Types of communication Newspaper Magazine Report
Films	Listening for general information Speaking/interview	Describing feelings and emotions Expressing opinions, language of narrative description	Modals Past perfect Past simple	Types of films Characters Events
Books and literature	Reading for main ideas Reading and identifying lexical items	Checking understanding Describing experience and events	Connecting words Phrasal verbs Passive voices	Kinds of books, novels Characters
Time off	Listening for specific details Speaking in pairs	Expressing intentions and wishes Making predictions	Going to, planning to, would like to, would rather Will and won't	Holidays Leisure activities
Ambitions and	Reading for specific	Expressing ambitions	Present perfect and	Ambitions and dreams,

dreams	information (skimming) Speaking- interview	And dreams	Past simple with for, and with other time words	achievements
Take care!	Reading comprehension- Identifying main points Short paragraph writing	Describing past habits Asking and giving advice	Used to, Would Should and shouldn't	Health and accidents
Lifestyle, current affairs	Reading for specific information Reading comprehension- Identifying main points Speaking in pairs Conversation	Describing feelings and emotions Describing places Managing interaction (Interrupting, changing topic, resuming or continuing)	Present perfect Simple and continuous Future continuous Conditional 1 <sup>st</sup> and 2 <sup>nd</sup>	Adjectives describing characteristics of things, people Political events Cultural events Economic events

### NỘI DUNG PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH BẠC 2 LÊN BẠC 3

<b>Chủ đề (Topics)</b>	<b>Kỹ năng (Skills)</b>	<b>Chức năng/ Khái niệm (Functions/notions)</b>	<b>Ngữ pháp (Grammar)</b>	<b>Từ vựng (Vocabulary)</b>
Hospital and admission	Reading for main message Writing with given information	Describing places Describing location Giving explanation	Relative pronouns with prepositions (in which, on which) Adverb clauses of	Places in hospital Facilities in a patient's room

			place	
Monitoring the patient	Listening for gists Speaking- interviewing	Describing procedures Describing vital signs	Passive voice Linking words to express connecting ideas	Notes, records Signs and symptoms Procedures
Symptoms	Writing a short report Listening for specific information Speaking- in pairs	Describing symptoms and signs Expressing feelings	Question forms in all tenses	Signs and symptoms
Pain	Reading for specific information (skimming) Speaking- interview	Describing pain Learning how to fill in a pain chart	Making comparison – Comparative and Superlative	Areas of referred pain
Caring for the elderly	Reading comprehension- Identifying main points Speaking in pairs	Assessing a patient Describing conditions of old age	Will and Shall Adverbs of likelihood ( probably...)	Problems and aids Effect of aging
Medication	Listening for	Giving	Be going to	Types and

	specific details Speaking – in pairs Paragraph writing	instructions Demanding	Present continuous for Future	forms of medication Dosages
Nutrition and obesity	Reading for specific information (skimming) Speaking- interview	Giving advice Giving request	Modal verbs: Should/ Shouldn't	Diabetes Food Drinks
Nurses and instruments Hygiene	Reading comprehension- Identifying main points Short paragraph writing	Talking about obligation Describing notice reports	Modal verb: Must/ have to Mustn't/ don't have to Need+ ing Need to	Nurses' instruments Hygiene equipment

#### **3.4.4. Kiểm tra và đánh giá**

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm cung cấp thông tin phản hồi về sự tiến bộ và kết quả học tập học sinh đạt được trong quá trình học cũng như thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần bám sát mục tiêu và nội dung giảng dạy của chương trình, dựa trên mục tiêu đã đặt ra trên bốn kỹ năng, nghe, nói, đọc, viết.

##### **3.4.4.1. Đánh giá quá trình**

Mục tiêu của đánh giá quá trình là giúp cho giáo viên cũng như học sinh theo dõi được sự tiến bộ trong việc thực hiện các mục tiêu của chương trình đặt ra. Bài đánh giá quá trình được thiết kế dưới các thể loại bài tập để kiểm tra cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Trong đó, kỹ năng nói được thể hiện dưới dạng phỏng vấn hoặc đối thoại theo cặp hoặc trình bày nhóm trước lớp. Các nội dung

chuyên ngành có thể không đưa vào đánh giá cuối kỳ mà sẽ đưa vào kiểm tra quá trình với các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, ngữ pháp và từ vựng.

### 3.4.4.2. Đánh giá cuối kỳ

Việc đánh giá cuối kỳ, thực hiện tại thời điểm cuối học kỳ hoặc cuối năm học sẽ giúp đánh giá mức độ đạt được cuối cùng của các mục tiêu cụ thể của chương trình. Đánh giá cuối kỳ được thực hiện để kiểm tra 4 kỹ năng dựa trên tiêu chí về năng lực đầu ra làm cơ sở cho các quyết định đánh giá của giáo viên đối với học sinh. Các hình thức kiểm tra, đánh giá cuối kỳ có thể căn cứ vào các dạng thức đề thi theo quy định của Đề án ngoại ngữ quốc gia 2020.

Hoạt động đánh giá cuối kỳ cho chương trình<sup>6</sup> thường bao gồm:

<b>Kỹ năng</b>	<b>Mục tiêu cụ thể</b>	<b>Hoạt động đánh giá</b>
<b>Nói</b>	Học sinh có thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bắt đầu và kết thúc hội thoại về các đề tài quen thuộc hoặc sở thích cá nhân.</li> <li>- Đưa ra ý kiến cá nhân trong thảo luận với bạn bè, đồng ý hoặc không đồng ý một cách lịch sự.</li> <li>- Giao tiếp qua điện thoại với những người quen biết.</li> <li>- Nói về các chủ đề quen thuộc khác nhau liên quan đến sở thích.</li> <li>- Nói về những trải nghiệm và cảm xúc cá nhân.</li> <li>- Trình bày ngắn gọn về các lĩnh vực quen thuộc và trả lời các câu hỏi một cách rõ ràng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người học tham dự cuộc phỏng vấn trực tiếp với giáo viên.</li> <li>- Trình bày cá nhân về một chủ đề.</li> <li>- Thảo luận theo cặp.</li> <li>- Hỏi và trả lời những câu hỏi chuyên sâu của chủ đề.</li> </ul>
<b>Nghe</b>	Học sinh có thể : <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu những ý chính của ngôn ngữ chuẩn mực về các đề tài quen thuộc hằng ngày.</li> <li>- Hiểu rõ những ý chính trong các cuộc thảo luận về các đề tài thường gặp.</li> <li>- Hiểu những thông tin đơn giản về kỹ thuật</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nghe dưới nhiều dạng bài kiểm tra như: hình thức trắc nghiệm, điền từ, trả lời đúng sai, lựa chọn</li> </ul>

<sup>6</sup> CEF (2001)



	như cách vận hành, sử dụng các đồ dùng đơn giản trong gia đình.	câu trả lời phù hợp.
<b>Đọc hiểu</b>	Học sinh có thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu ý chính trong các bài đọc liên quan đến sở thích cá nhân, các lĩnh vực trong đời sống hằng ngày.</li> <li>- Hiểu những thông tin trong các tờ rơi quảng cáo hoặc các bài đọc ngắn liên quan đến công việc.</li> <li>- Hiểu ý chính của bài báo trong tạp chí về những vấn đề thời sự hoặc đề tài quen thuộc.</li> <li>- Hiểu được các bức thư cá nhân về các sự kiện, cảm xúc hoặc ước muốn và có khả năng phúc đáp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra đọc hiểu dưới nhiều dạng như: bài tập trắc nghiệm với 3 khả năng lựa chọn, bài tập chọn câu trả lời tương thích, trắc nghiệm với 4 lựa chọn trong bài tập điền từ.</li> </ul>
<b>Viết</b>	Học sinh có thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết những bài viết ngắn về những chủ đề quen thuộc.</li> <li>- Viết những bài viết đơn giản về các trải nghiệm và cảm xúc cá nhân qua các chuyến đi.</li> <li>- Viết các thư điện tử, tin nhắn ngắn gọn cho bạn bè hoặc đồng nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết một đoạn văn ngắn.</li> <li>- Viết thư điện tử.</li> <li>- Viết một câu chuyện ngắn về các chủ đề quen thuộc.</li> </ul>

### 3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình

#### 3.5.1. Yêu cầu về đối tượng tham gia

Học sinh tham gia chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN Bậc 1 lên Bậc 2 hoặc Bậc 2 lên Bậc 3 phải tham dự một bài kiểm tra đầu vào xếp trình độ (placement test). Học sinh đạt kết quả kiểm tra đầu vào tương đương Bậc 1 sẽ tham gia chương trình thí điểm tiếng Anh tăng cường Bậc 1 lên Bậc 2. Học sinh đạt kết quả kiểm tra đầu vào tương đương Bậc 2 sẽ tham gia chương trình thí điểm tiếng Anh tăng cường Bậc 2 lên Bậc 3.

#### 3.5.2. Điều kiện thực hiện chương trình

Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN Bậc 1 lên Bậc 2 có thời lượng đề nghị là 180 tiết, trong đó học sinh học tại lớp là 90 tiết

và tự học với sự hướng dẫn của giáo viên là 90 tiết. Chương trình học tại lớp 90 tiết (thời gian mỗi tiết là 45 phút) gồm 2 nội dung được đề nghị như sau: tiếng Anh cơ bản (8 chủ đề) dạy trong 60 tiết và tiếng Anh chuyên ngành (5 chủ đề được lựa chọn trong 8 chủ đề đưa ra) dạy trong 30 tiết.

Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN Bậc 2 lên Bậc 3 có thời lượng đề nghị là 300 tiết, trong đó học sinh học tại lớp là 150 tiết và tự học với sự hướng dẫn của giáo viên là 150 tiết. Chương trình học tại lớp 150 tiết cũng gồm 2 nội dung như sau: tiếng Anh cơ bản (8 chủ đề) dạy trong 90 tiết và tiếng Anh chuyên ngành (6 chủ đề được lựa chọn trong 8 chủ đề đưa ra) với số tiết dạy là 60.

#### ***Hình thức trực tuyến:***

Cả 2 chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN Bậc 1 lên Bậc 2 và Bậc 2 lên Bậc 3 được thực hiện thông qua các tài khoản trực tuyến được gửi trực tiếp đến cho học sinh. Học sinh phải tự sắp xếp thời gian để tham gia đầy đủ và có trách nhiệm với các hoạt động của khóa học trực tuyến (online). Giáo viên cần sắp xếp các buổi gặp mặt trực tiếp (offline) để giải đáp các thắc mắc của học sinh và hướng dẫn thêm nếu cần thiết.

#### ***3.5.3. Phạm vi thực hiện***

Chương trình này được áp dụng cho tất cả các cơ sở đào tạo TCCN trong toàn quốc có đầy đủ điều kiện tổ chức thực hiện, đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và đội ngũ quản lý.

#### ***3.5.4. Phương pháp dạy-học***

##### ***Tự học có hướng dẫn (Guided Independent Learning/Study - GIL/GIS):***

Để giúp học sinh tự học, giáo viên cần hướng dẫn học sinh:

- Xác định lĩnh vực kiến thức hay kỹ năng trong hoặc ngoài chương trình chính thức mình cần phải nâng cao hay quan tâm học hỏi. Ví dụ: học sinh quan tâm đến chuyên ngành có thể muốn học thêm từ vựng có liên quan về các vấn đề chăm sóc bệnh nhân cao tuổi (Caring for the elderly) hay nâng cao kiến thức về chủ đề này thông qua đọc các bài báo bằng tiếng Anh.

- Xác định mục tiêu mình cần đạt đối với kiến thức và kỹ năng đã được chọn. Ví dụ: học sinh quan tâm mở rộng kiến thức về cách chăm sóc bệnh nhân

cao tuổi có thể đặt mục tiêu hiểu chi tiết các bài báo mình đọc (reading for details).

- Lập kế hoạch thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra. Ví dụ: với mục đích đọc hiểu chi tiết bài báo về cách chăm sóc bệnh nhân cao tuổi, sau khi đọc học sinh sẽ viết tóm tắt lại những chi tiết mình quan tâm.

- Hỗ trợ học sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch. Ví dụ: giúp học sinh tìm nguồn tài liệu trên internet hay giải quyết các khó khăn về đọc hiểu mà học sinh gặp phải.

- Hướng dẫn học sinh tự đánh giá mức độ đạt được và tổ chức cho học sinh đánh giá kết quả lẫn nhau. Ví dụ: có thể tổ chức buổi trình bày kết quả tự học, để học sinh có cơ hội đánh giá và học hỏi lẫn nhau về các kỹ năng tự học.

***Phương pháp dạy học tích hợp ngôn ngữ và chuyên ngành (Content and Language Integrated Learning - CLIL):***

Đối với khối kiến thức chuyên ngành, giáo viên cần khai thác phương pháp tích hợp ngôn ngữ và chuyên ngành thông qua:

- Chọn lựa tài liệu tiếng Anh chuyên ngành phù hợp với chủ đề của chương trình và biên soạn tài liệu trên cơ sở hỗ trợ học sinh tiếp thu kiến thức chuyên ngành.

- Khai thác nội dung ngôn ngữ bằng cách biên soạn bổ sung các hoạt động nâng cao ý thức ngôn ngữ hay thủ đắc ngôn ngữ bên cạnh nội dung chuyên ngành.

Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN được thiết kế với 2 nội dung: tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành, trong đó tiếng Anh cơ bản được đưa vào giai đoạn 1 và tiếng Anh chuyên ngành được đưa vào giai đoạn 2 với phương pháp dạy học tích hợp năng lực ngôn ngữ với chuyên môn nghề nghiệp (CLIL).

Để đạt được các mục tiêu cụ thể, giáo viên tham gia chương trình cần vận dụng linh hoạt các hoạt động dạy-học theo phương pháp giao tiếp kết hợp cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

***3.5.4.1. Các hoạt động dạy-học cho chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN Bậc 1 lên Bậc 2.***

Kỹ năng	Mục tiêu cụ thể	Hoạt động dạy-học
---------	-----------------	-------------------

<p><b>Nói</b></p>	<p>Học sinh có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về quê hương, đất nước, công việc, thời gian rảnh rỗi, thích và không thích.</li> <li>- Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về các sự kiện trong quá khứ.</li> <li>- Nói về gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các vấn đề trong cuộc sống hằng ngày.</li> <li>- Nói về các kinh nghiệm cá nhân, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão.</li> <li>- Nêu lý do và giải thích các ý kiến hoặc kế hoạch cá nhân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi và trả lời giữa giáo viên và học sinh.</li> <li>- Hội thoại theo cặp.</li> <li>- Thảo luận theo nhóm.</li> <li>- Phỏng vấn.</li> <li>- Đóng vai theo hội thoại.</li> </ul>
<p><b>Nghe</b></p>	<p>Học sinh có thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu những thông tin và câu hỏi đơn giản về gia đình, con người, thành phố quê hương, công việc, sở thích ...</li> <li>- Hiểu các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày nếu được nói chậm, rõ ràng và có gợi ý.</li> <li>- Hiểu các đàm thoại ngắn về gia đình, sở thích và cuộc sống hằng ngày.</li> <li>- Hiểu các thông tin chính trong các thông báo, ví dụ: dự báo thời tiết...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu những ý chính của thông tin.</li> <li>- Nghe những cuộc nói chuyện qua điện thoại.</li> <li>- Nghe để nắm rõ các chi tiết của thông tin.</li> </ul>
<p><b>Đọc hiểu</b></p>	<p>Học sinh có thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu các bài khóa ngắn gọn, đơn giản có phần từ vựng quen thuộc.</li> <li>- Tìm được những thông tin quan trọng nhất trong các quảng cáo, thời gian biểu, trang web...</li> <li>- Hiểu các ý chính trong các bản tin ngắn đơn giản.</li> <li>- Hiểu các thông điệp đơn giản từ bạn bè qua tin</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc lướt để lấy thông tin chính.</li> <li>- Đọc để lấy các thông tin chi tiết.</li> <li>- Thảo luận theo cặp để trả lời các câu hỏi về nội dung</li> </ul>

	nhắn, thư điện tử, bưu ảnh...	của thông tin. - Thảo luận theo nhóm và trình bày trước lớp về nội dung thông tin đọc được.
<b>Viết</b>	Học sinh có thể : - Viết thư cá nhân mô tả kinh nghiệm, cảm tưởng về một sự việc nào đó. - Viết những thông điệp đơn giản, ví dụ viết thư mời, hẹn gặp hoặc thay đổi lời mời, lời hẹn. - Sử dụng ngôn ngữ đơn giản để viết về các sự việc và con người mà bản thân biết rõ. Ví dụ: tả một người bạn, kể lại sự việc đã xảy ra ngày hôm qua ... - Mô tả sở thích cá nhân. - Mô tả ngày nghỉ cuối tuần hoặc kỳ nghỉ vừa qua. - Viết về các dự định và kế hoạch trong tương lai.	- Viết thư dưới dạng điền thông tin. - Viết bản tóm tắt một sự kiện đã xảy ra. - Viết đoạn văn theo từ gợi ý.

**3.5.4.2. Các hoạt động dạy-học cho chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN Bậc 2 lên Bậc 3**

<b>Kỹ năng</b>	<b>Mục tiêu cụ thể</b>	<b>Phương pháp dạy-học</b>
<b>Nói</b>	Học sinh có thể : - Bắt đầu và kết thúc hội thoại trực tiếp về các đề tài quen thuộc hoặc sở thích cá nhân. - Đưa ra ý kiến cá nhân trong thảo luận với bạn bè, đồng ý hoặc không đồng ý một cách lịch sự. - Sử dụng giao tiếp qua điện thoại với những người quen biết. - Mô tả về các chủ đề quen thuộc khác nhau liên quan đến sở thích. - Nói về những trải nghiệm và cảm xúc cá nhân.	- Phỏng vấn: hỏi-đáp giữa giáo viên-học sinh. - Thảo luận theo nhóm. - Hội thoại theo cặp - Đóng vai theo tình huống. - Trình bày theo

	- Trình bày ngắn gọn về các lĩnh vực quen thuộc và trả lời các câu hỏi một cách rõ ràng.	nhóm trước lớp.
<b>Nghe</b>	Học sinh có thể : - Nghe hiểu những điểm chính về các đề tài quen thuộc hằng ngày. - Hiểu rõ những điểm chính trong một cuộc thảo luận . - Hiểu những thông tin về kỹ thuật đơn giản như cách vận hành cách làm theo các chỉ dẫn của các vật dụng đơn giản trong gia đình.	- Nghe nội dung chính của thông tin. - Nghe và điền thông tin. - Nghe để lấy thông tin chi tiết.
<b>Đọc hiểu</b>	Học sinh có thể: - Hiểu ý chính trong một bài đọc về những đề tài liên quan đến sở thích cá nhân và có khả năng nhận biết được các ý kiến xoay quanh chủ đề đó. - Hiểu những thông tin trong một tờ rơi quảng cáo hoặc một bài đọc ngắn liên quan đến sở thích cá nhân. - Hiểu ý chính trong một bài báo ở tạp chí về những đề tài thời sự hoặc đề tài quen thuộc. - Hiểu được các bức thư cá nhân nói về các sự kiện, cảm xúc hoặc ước muốn và có khả năng phúc đáp.	- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về ý chính của chủ đề. - Đọc lướt để lấy thông tin chính. - Đọc để lấy thông tin chi tiết. - Đọc và điền thông tin. - Đọc và lựa chọn các tiêu đề phù hợp.
<b>Viết</b>	Học sinh có thể: - Viết những bài viết ngắn về những đề tài quen thuộc. - Viết bài viết đơn giản về các trải nghiệm cá nhân như về một chuyến đi hoặc mô tả phản ứng cá nhân đối với các trường hợp cụ thể. - Viết các email, tin nhắn đầy đủ thông tin cho bạn bè hoặc đồng nghiệp.	-Viết từng đoạn văn ngắn. - Viết văn theo thể loại mô tả. - Viết e-mail theo các câu hỏi gợi ý

### 3.5.5. Tài liệu dạy-học

Dựa trên chương trình, giáo viên cần soạn tài liệu bảo đảm chuyển tải được các nội dung của chương trình. Trong trường hợp giáo viên không thể hoặc

không có đủ khả năng biên soạn tài liệu đúng theo nội dung chương trình, giáo viên có thể chọn các giáo trình tương thích với các cấp độ của chương trình. Những giáo trình dưới đây được đề nghị đưa vào sử dụng cho chương trình tiếng Anh thí điểm tăng cường theo từng cấp độ tương ứng như Bậc 1 lên Bậc 2 là sơ trung cấp (pre-intermediate) và Bậc 2 lên Bậc 3 là trung cấp (intermediate):

**Face to Face** bao gồm *Sách dành cho người học* (Students' Book) và *Sách bài tập* (Workbook) do các tác giả Chris Redston and Gillie Cunningham biên soạn và do NXB Cambridge University Press ấn hành năm 2005, được đề nghị sử dụng vì đây là bộ sách nằm trong danh mục sách dùng để giảng dạy theo Khung năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu với đầy đủ các yếu tố đáp ứng cho từng cấp độ từ Bậc 1 đến Bậc 6.

**New Cutting Edge** bao gồm *Sách dành cho người học* (Students' Book) và *Sách bài tập* (Workbook) do các tác giả Sarah Cunningham, Peter Moore và Jane Comyns Carr biên soạn và do NXB Longman ấn hành năm 2006. Đây cũng là bộ sách nằm trong danh mục sách dùng để giảng dạy theo Khung năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu với đầy đủ các yếu tố đáp ứng cho từng cấp độ từ Bậc 1 đến Bậc 6.

**Solutions** bao gồm *Sách dành cho người học* (Students' Book) và *Sách bài tập* (Workbook) do các tác giả Tim Falla, Paul A Davies và do NXB Oxford University Press ấn hành năm 2007. Bộ sách này được soạn phù hợp với chương trình theo từng cấp độ từ Bậc 1 đến Bậc 6 và đặc biệt là có phần học trực tuyến để phục vụ cho việc tự học của học sinh.

**Everyday English for Nursing** của tác giả Tony Grice do nhà xuất bản Elsevier ấn hành năm 2004 với 10 đơn vị bài học ngang Bậc 2 của tiếng Anh chuyên ngành điều dưỡng dành cho các điều dưỡng mà tiếng Anh không phải là ngôn ngữ thứ nhất.

**English For Nurses** của các tác giả David Austin and Tim Crossfield do nhà xuất bản Longman Group Ltd ấn hành năm 1976, với 22 đơn vị bài học Bậc 1 của tiếng Anh chuyên ngành điều dưỡng bao gồm các chủ đề giới thiệu các phần cơ bản trong công việc điều dưỡng cũng như kiến thức phổ thông mà điều dưỡng phải nắm được.

**Nursing 1**, *Sách dành cho người học* (Student's book) của Tony Grice, Oxford English For Careers do Oxford University Press xuất bản năm 2007 gồm

các bài phù hợp với Bậc 3 bao gồm cả 4 kỹ năng đi sâu vào các chuyên ngành và công việc của điều dưỡng ở cấp độ phức tạp hơn.

**Nursing 2**, *Sách dành cho người học* (Student's book) của tác giả Tony Grice and James Greenan do nhà xuất bản Oxford University Press 2008 là phần tiếp theo của Nursing 1 với các bài luyện tập cho cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

### **3.5.6. Đội ngũ tham gia chương trình**

- *Đội ngũ quản lý*: Đội ngũ quản lý nhà trường và các chuyên viên phụ trách môn học ở cấp phòng, sở cần tham gia các khóa bồi dưỡng về tổ chức thực hiện chương trình để hỗ trợ đội ngũ giáo viên trong quá trình triển khai chương trình.

- *Đội ngũ giáo viên*:

+ Trình độ: giáo viên dạy chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường phải có trình độ đại học chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (tương đương cấp độ C1 của Khung năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu) để có thể giảng dạy chủ yếu bằng tiếng Anh trên lớp, có kiến thức chuyên môn về công nghệ thông tin và có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

+ Kỹ năng biên soạn tài liệu và giáo trình: Giáo viên tiếng Anh tham gia chương trình cần phải có các kiến thức và kỹ năng cơ bản về biên soạn tài liệu dựa vào chương trình và thay đổi tài liệu cho phù hợp với nhu cầu và trình độ của học sinh.

+ Kỹ năng công nghệ thông tin: Biết kết hợp công nghệ thông tin ở mức độ cơ bản trong giảng dạy và hướng dẫn học sinh tự học qua chương trình trực tuyến.

+ Bồi dưỡng chuyên môn: Đã qua các lớp bồi dưỡng giáo viên về phương pháp giảng dạy dành cho giáo viên tiếng Anh dạy TCCN theo *Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020*.

### **3.5.7. Cơ sở vật chất đảm bảo dạy-học**

- Số lượng học sinh: Cơ số học sinh tối đa cho một lớp học theo chương trình tiếng Anh tăng cường là 30 học sinh.

- Phòng học được bố trí bàn ghế dễ di chuyển để tạo điều kiện tổ chức các hoạt động theo cặp nhóm thuận lợi. Phòng học phải có các phương tiện kết nối



Internet để phục vụ việc dạy-học trực tuyến trong trường hợp sử dụng các giáo trình có phần tài liệu biên soạn trực tuyến.

- Trang thiết bị: Để bảo đảm thực hiện tốt công tác dạy học tiếng Anh theo chương trình thí điểm tăng cường, các cơ sở đào tạo TCCN phải cung cấp đủ những trang thiết bị nghe nói như máy cassette, đĩa, máy tính, màn hình, máy chiếu, và hệ thống âm thanh.

#### **4. ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH**

Việc đánh giá chương trình được tiến hành dựa trên cơ sở thu thập minh chứng phục vụ cho đánh giá chương trình đào tạo. Thu thập minh chứng dựa trên nhiều nguồn thông tin và tài liệu khác nhau, ví dụ: xem xét các văn bản, tài liệu liên quan đến chương trình đào tạo (mục tiêu, khung chương trình, đề cương môn học, cơ sở vật chất, phương pháp giảng dạy và học tập), phỏng vấn cá nhân, phỏng vấn theo nhóm, sử dụng phiếu khảo sát, phiếu góp ý của học sinh cuối khóa học (end-of-course survey), dự giờ (class observation), nhật ký giảng dạy, sử dụng các chuyên gia đánh giá ngoài và theo dõi kết quả học tập của một nhóm học sinh nhất định theo thời gian.

#### **5. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

##### **\* Tài liệu tiếng Việt**

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2012) *Kế hoạch triển khai dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo năm 2012* (5169/BGDĐT-KHTC ngày 10 tháng 8 năm 2012).

2. Thủ tướng chính phủ (2008) *Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020* (1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008).

##### **\* Tài liệu tiếng Anh**

3. Austin, D. and Crossfield, T. (1976) *English For Nurses* Longman Group Ltd.

4. CEF (2001) *Teacher's Guide to the Common European Framework* [Online]. Available: <http://www.pearsonlongman.com/ae/cef/cefguide.pdf>.

5. Grice, T. (2007) Oxford English For Careers. *Nursing 1*, Student's book. Oxford University Press.

6. Grice, T. and Greenan, J. (2008). Oxford English For Careers. *Nursing 2*, Stude.

7. North, B., Ortega, A. And Sheehan, S. (2010) *A Core Inventory for General English*. British Council/EAQUALS.

-----

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CHƯƠNG TRÌNH THÍ ĐIỂM ĐÀO TẠO  
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP  
CHUYÊN NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 3340/QĐ-BGDĐT  
Ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Hà Nội, 7/2013**

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>1</b>
1.1. Sự cần thiết xây dựng chương trình	1
1.2. Thời lượng	1
1.3. Phạm vi sử dụng chương trình	2
<b>2. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>2</b>
2.1. Căn cứ pháp lý	2
2.2. Căn cứ lý luận	3
2.3. Căn cứ thực tiễn	4
2.3.1. Trình độ đầu vào	4
2.3.2. Nhu cầu và mục đích học	4
2.3.3. Tình hình dạy-học (Phương pháp, thời lượng, kiểm tra đánh giá, tài liệu dạy-học)	4
<b>3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>5</b>
3.1. Đối tượng tham gia chương trình	5
3.2. Mục tiêu chung của chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN	5
3.3. Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN từ Bậc 1 lên Bậc 2	6
3.3.1. Mục tiêu tổng quát	6
3.3.2. Mục tiêu cụ thể	6
3.3.3. Nội dung	7
3.3.4. Kiểm tra và đánh giá	12
3.3.4.1. Đánh giá quá trình	12
3.3.4.2. Đánh giá cuối kỳ	12
3.4. Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN từ Bậc 2 lên Bậc 3	13
3.4.1. Mục tiêu tổng quát	13
3.4.2. Mục tiêu cụ thể	14
3.4.3. Nội dung	15

3.4.4.	Kiểm tra và đánh giá	19
3.4.4.1.	Đánh giá quá trình	19
3.4.4.2.	Đánh giá cuối kỳ	19
3.5.	Hướng dẫn thực hiện chương trình	21
3.5.1.	Yêu cầu về đối tượng tham gia	21
3.5.2.	Điều kiện thực hiện chương trình	21
3.5.3.	Phạm vi thực hiện	22
3.5.4.	Phương pháp dạy-học	22
3.5.4.1.	Các hoạt động dạy-học cho chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN Bậc 1 lên Bậc 2	23
3.5.4.2.	Các hoạt động dạy-học cho chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN Bậc 2 lên Bậc 3	25
3.5.5.	Tài liệu dạy-học	26
3.5.6.	Đội ngũ tham gia chương trình	28
3.5.7.	Cơ sở vật chất đảm bảo dạy-học	28
<b>4.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>29</b>
<b>5.</b>	<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>29</b>

## **1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH**

### **1.1. Sự cần thiết xây dựng chương trình**

Trong quá trình toàn cầu hóa, tiếng Anh được xem như một ngôn ngữ giao tiếp thông dụng nhất đặc biệt hữu ích phục vụ cho việc trao đổi kinh tế, văn hoá... trên toàn thế giới, do đó việc dạy và học tiếng Anh đã và đang được đặc biệt chú trọng ở tất cả các bậc học. Theo thống kê của “*Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 -2020*” tỉ lệ học sinh học ngoại ngữ đã tăng đáng kể từ 76,8% năm 2002 lên 85,4% năm 2003. Tiếng Anh là môn học bắt buộc ở hầu hết các trường. Riêng tại các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), học sinh tham gia học tiếng Anh chiếm 99,4%. Chương trình ngoại ngữ được xây dựng trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, với số tiết quy định từ 60 tiết đến 210 tiết tùy theo hệ tuyển và thời gian đào tạo.

Tuy nhiên, chương trình chỉ đáp ứng được một số mục đích cơ bản như trang bị kiến thức ngữ pháp, đọc tài liệu chuyên môn ở cấp độ đơn giản, đáp ứng yêu cầu thi tuyển công chức. Việc giảng dạy môn tiếng Anh ở các cơ sở đào tạo phần lớn còn gặp nhiều khó khăn, chất lượng không đồng đều, khả năng giao tiếp của học sinh còn rất nhiều hạn chế. Thực trạng này là khá phổ biến đối với các cơ sở đào tạo TCCN. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ cho học sinh TCCN là việc làm hết sức cần thiết, đặc biệt là đối với học sinh ngành Công nghệ thông tin (CNTT). Khả năng vận dụng tiếng Anh tốt sẽ giúp học sinh tự tin để sẵn sàng gia nhập thị trường lao động trong và ngoài nước. Với những lý do nêu trên, điều cần thiết phải làm là biên soạn một chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN cho ngành CNTT dựa trên cơ sở tiếp nối chương trình tiếng Anh ở trung học cơ sở và tiếng Anh trung học phổ thông.

### **1.2. Thời lượng**

Chương trình gồm 2 phần: tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành Bậc 1 lên Bậc 2 và Bậc 2 lên Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thời lượng cho chương trình Bậc 1 lên Bậc 2 là 180 tiết, trong đó 60 tiết học trực tuyến hoặc phi trực tuyến cho tiếng Anh cơ bản và 30 tiết cho tiếng Anh chuyên ngành học tại lớp với sự hướng dẫn của giáo viên. Phần tự học của học sinh là 90 tiết.

Thời lượng cho chương trình Bậc 2 lên Bậc là 300 tiết, trong đó 90 tiết học trực tuyến hoặc phi trực tuyến cho tiếng Anh cơ bản và 60 tiết cho tiếng Anh chuyên ngành học tại lớp với sự hướng dẫn của giáo viên. Phần tự học của học sinh là 150 tiết.

### **1.3. Phạm vi sử dụng chương trình**

Chương trình được dùng cho việc quản lý giảng dạy và học tập tiếng Anh tăng cường ở các cơ sở đào tạo TCCN; biên soạn tài liệu hướng dẫn chương trình; biên soạn, lựa chọn học liệu dạy và học tiếng Anh (giáo trình, sách bài tập, sách hướng dẫn giáo viên, tài liệu tham khảo và tài liệu điện tử...), định hướng phương pháp dạy học tiếng Anh tăng cường ở các cơ sở đào tạo TCCN; đánh giá kết quả học tập của học sinh; xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh.

## **2. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

### **2.1. Căn cứ pháp lý**

Theo “*Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020*” (ĐANNQG 2020), việc dạy-học ngoại ngữ ở các cơ sở đào tạo TCCN được quy định như sau:

“Trình độ ngoại ngữ chung của học sinh sau khi tốt nghiệp cơ sở đào tạo TCCN đạt Bậc 3. Các cơ sở đào tạo cần tiến hành dạy học ngoại ngữ theo nhiều chương trình và thời lượng khác nhau nhằm đáp ứng trình độ đầu vào khác nhau. Các trường cần kiểm tra trắc nghiệm về năng lực ngoại ngữ của học sinh nhập học để sắp xếp chương trình theo học các chương trình ngoại ngữ phù hợp. Tùy theo điều kiện cụ thể của mình, các cơ sở đào tạo TCCN có thể xây dựng và tiến hành chương trình dạy và học ngoại ngữ đối với học sinh nhập học có trình độ đầu vào là Bậc 3 để đạt được bậc cao hơn nữa” (trang 29-30).

ĐANNQG 2020 cũng nêu rõ trong phần mục tiêu cụ thể: “Triển khai chương trình đào tạo tăng cường môn ngoại ngữ đối với giáo dục nghề nghiệp cho khoảng 10% số lượng học sinh dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp vào năm học 2010 - 2011, 60% vào năm 2015 - 2016 và đạt 100% vào năm học 2019 - 2020”.

Theo “*Kế hoạch triển khai dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo năm 2012*”, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế được ĐANNQG 2020 giao

nhiệm vụ biên soạn chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN cho 3 ngành Điều dưỡng, Công nghệ thông tin (CNTT) và Du lịch.

## **2.2. Căn cứ lý luận**

Chương trình được biên soạn dựa trên các nguyên tắc sau:

*Nguyên tắc lấy việc học làm trung tâm (learning-centred):* Theo phương pháp lấy việc học làm trung tâm (learning-centred approach), học tập không còn là một quá trình tiếp thu kiến thức thụ động từ người dạy, mà đó là quá trình tương tác tích cực giữa người dạy và người học, giữa người học với nhau. Học sinh chủ động khám phá và lĩnh hội kiến thức qua quá trình thực hành (learning by doing). Nguyên tắc này đảm bảo sự phù hợp giữa nội dung chương trình và nhu cầu của người học, phát huy kỹ năng giải quyết vấn đề, suy nghĩ phản biện của người học.

*Nguyên tắc lồng ghép tiếng Anh chuyên ngành với tiếng Anh cơ bản:* Đảm bảo học sinh vừa đạt trình độ chung theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam vừa thấy được lợi ích của việc học tiếng Anh qua việc lồng ghép tiếng Anh chuyên ngành vào chương trình.

*Nguyên tắc bảo đảm tính tích cực chủ động của học sinh:* Đảm bảo việc phát huy thái độ tích cực đối với việc học tiếng Anh đồng thời cung cấp cho học sinh những trải nghiệm học tập tích cực nhằm mục đích đáp ứng mục tiêu của chương trình.

*Nguyên tắc phát triển đồng đều các kỹ năng nhưng có trọng điểm:* Đảm bảo phát triển hài hòa bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Tuy nhiên, tùy theo nhu cầu và trình độ thực của học sinh, có thể chú trọng nhiều hơn đến một hay hai kỹ năng mà học sinh còn yếu hay thiếu nhưng vẫn không bỏ quên các kỹ năng còn lại.

*Nguyên tắc chuỗi hệ thống chủ điểm và chủ đề:* Đảm bảo chương trình được thực hiện thông qua chuỗi hệ thống chủ điểm và chủ đề có liên quan chặt chẽ với nhau, có ý nghĩa và phù hợp.

*Nguyên tắc linh hoạt và mềm dẻo:* Đảm bảo tính linh hoạt và mềm dẻo của chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu dạy học tiếng Anh khác nhau trong bối cảnh có sự phân hóa trình độ đầu vào của học sinh TCCN. Học sinh có trình độ đầu vào khác nhau có thể chọn lựa chương trình phù hợp với trình độ của mình.

*Nguyên tắc bảo đảm kết quả đầu ra:* Đảm bảo sau khi học xong chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN, học sinh sẽ đạt



trình độ ngoại ngữ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương với cấp độ B1 của Khung năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu), theo quy định của ĐANNQG 2020.

### **2.3. Căn cứ thực tiễn**

Chương trình được xây dựng dựa vào kết quả khảo sát việc dạy và học tiếng Anh ngành CNTT ở các cơ sở đào tạo TCCN, đồng thời dựa trên đặc điểm học sinh TCCN, năng lực tiếng Anh đầu vào và bản chất việc làm của học sinh tốt nghiệp ngành CNTT.

#### **2.3.1. Trình độ đầu vào**

Kết quả khảo sát phần tự đánh giá của học sinh về trình độ tiếng Anh, đánh giá của giáo viên về trình độ đầu vào của học sinh, và số liệu thu thập dựa vào bài kiểm tra trình độ học sinh cho thấy: trình độ tiếng Anh của học sinh đang ở Bậc 1 (63,3%) hoặc Bậc 2 (33,3%), chỉ có 13,3% học sinh đạt kết quả trên Bậc 2.

#### **2.3.2. Nhu cầu và mục đích học**

Do bản chất việc làm sau khi tốt nghiệp của học sinh TCCN ngành CNTT có liên quan nhiều đến việc sử dụng tiếng Anh để làm việc với các công cụ, phần mềm máy tính; do nhu cầu được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ sở, công ty nước ngoài, tham gia vào thị trường lao động ngành CNTT trong và ngoài nước ngày càng được mở rộng, nên học sinh ngành này có động cơ cao khi tham gia học môn tiếng Anh.

Kết quả khảo sát của ngành CNTT cho thấy:

- Tiếng Anh có thể khiến học sinh dễ tìm việc hơn khi ra trường (50%).
- Học sinh học tiếng Anh vì nhu cầu giao tiếp (30%).
- Vượt qua kỳ thi là mục tiêu cuối cùng đối với môn tiếng Anh (16,54%).
- Học sinh TCCN ngành CNTT mong muốn được phát triển đồng đều cả 4 kỹ năng ngôn ngữ trong quá trình học tiếng Anh.

#### **2.3.3. Tình hình dạy-học (Phương pháp, thời lượng, kiểm tra đánh giá, tài liệu dạy-học)**

Theo kết quả khảo sát, những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng giờ học bao gồm:

- Trình độ của người học thấp và không đồng đều (57,11%).
- Ý thức của người học đối với môn học này vẫn chưa cao (54,89%).
- Sĩ số trung bình mỗi lớp quá đông (33,83%).

- Phương tiện học tập ngoại ngữ chưa đầy đủ (23,31%).
- Phương pháp giảng dạy của giáo viên chưa thật sự hấp dẫn và lôi cuốn đối với học sinh (22,56%).
- Phần đông học sinh tham gia khảo sát thể hiện sự quan tâm và yêu thích đối với các hoạt động mang tính giao tiếp cao (65% thích hoạt động nhóm, 60% thích hoạt động cặp, 50% thích hoạt động trên phạm vi cả lớp, 9% thích các hoạt động cá nhân).
- Hình thức kiểm tra có tác động đến động lực, thái độ và không khí học tập của học sinh trên lớp. Các bài kiểm tra định kỳ lẫn các hình thức đánh giá liên tục đều chưa chú trọng nhiều đến kỹ năng mà còn nặng về phần kiến thức.
- Giáo trình sử dụng: *English Know How 1* của Nhà xuất bản Oxford, xuất bản năm 2003. Để đáp ứng được nhu cầu giao tiếp cũng như khả năng tìm được việc làm cao sau khi tốt nghiệp thì với giáo trình *English Know How1* trong thời lượng 60 tiết thì không thể đạt được mục tiêu.

### **3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

#### **3.1. Đối tượng tham gia chương trình**

Đối tượng của chương trình là những học sinh đã học xong chương trình tiếng Anh cơ bản theo khung chương trình quy định ở bậc TCCN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nhưng trình độ ngoại ngữ vẫn chưa đạt Bậc 3 theo yêu cầu của *Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020*.

Do có sự phân hóa trình độ cao đối với học sinh TCCN nên những học sinh đã hoàn thành Bậc 1 thì tham gia học chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường Bậc 1 lên Bậc 2. Những học sinh đã đạt Bậc 2 thì tham gia học chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường Bậc 2 lên Bậc 3.

#### **3.2. Mục tiêu chung của chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường TCCN**

Theo quy định của ĐANNG 2020, học sinh TCCN sau khi tốt nghiệp phải đạt trình độ tiếng Anh Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (tương đương với cấp độ B1 của Khung năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu). Học sinh có năng lực sử dụng khoảng 2000 từ vựng chuyên ngành CNTT vào công việc chuyên môn của mình.

### **3.3. Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN từ Bậc 1 lên Bậc 2**

#### **3.3.1. Mục tiêu tổng quát**

- Học sinh có thể hiểu câu và các cụm từ thông thường trong các chủ đề quen thuộc.
- Học sinh có thể giao tiếp ở cấp độ đơn giản, thực hiện các yêu cầu cơ bản và nắm bắt được thông tin khi giao tiếp trong các bối cảnh quen thuộc.
- Học sinh có thể dùng từ vựng đơn giản để miêu tả lý lịch cá nhân, bối cảnh trực tiếp hay những chủ đề về các nhu cầu cấp bách.

#### **3.3.2. Mục tiêu cụ thể**

**Kỹ năng nói**, học sinh có thể:

- Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về quê hương đất nước, công việc, thời gian rảnh rỗi, thích và không thích.
- Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về các sự kiện trong quá khứ. Ví dụ: hỏi và đáp về thời gian và nơi tổ chức buổi tiệc, những ai có mặt và chuyện gì đã xảy ra ở đó.
- Mời và chấp nhận hoặc từ chối lời mời một cách lịch sự.
- Xin lỗi và nhận lời xin lỗi.
- Nói về gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các vấn đề trong cuộc sống hằng ngày.
- Nói về các kinh nghiệm cá nhân, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão.
- Nêu lý do và giải thích các ý kiến hoặc kế hoạch cá nhân.

**Kỹ năng nghe**, học sinh có thể:

- Hiểu những thông tin và câu hỏi đơn giản về gia đình, con người, thành phố quê hương, công việc, sở thích ...
- Hiểu được các tình huống giao tiếp đơn giản hàng ngày nếu được nói chậm, rõ ràng, có gợi ý.
- Hiểu được các đàm thoại ngắn về gia đình, sở thích và cuộc sống hằng ngày.
- Hiểu được các bản tin ngắn gọn, đơn giản ở sân bay và nhà ga xe lửa.
- Hiểu được các thông tin chính trong các thông báo, ví dụ: dự báo thời tiết.

**Kỹ năng đọc**, học sinh có thể:

- Hiểu được các bài khóa ngắn gọn, đơn giản có phần từ vựng quen thuộc.

- Tìm được những thông tin quan trọng nhất trong các quảng cáo, tờ rơi, trang web, catalogues, thời gian biểu ...
- Hiểu được các ý chính trong các bản tin ngắn, đơn giản nếu biết đôi chút về chủ đề đó.
- Hiểu được các thông điệp đơn giản từ bạn bè.

**Kỹ năng viết**, học sinh có thể:

- Viết về những chủ đề đơn giản, quen thuộc.
- Viết những thông điệp đơn giản, ví dụ: viết thư mời, hẹn gặp hoặc thay đổi lời mời, lời hẹn.
- Viết thư/lời nhắn/bưu thiếp cho bạn bè để thông báo các tin tức cá nhân hoặc hỏi thăm.
- Sử dụng ngôn ngữ đơn giản để viết về các sự việc và con người mà bản thân biết rõ.

Ví dụ: tả một người bạn, kể lại sự việc đã xảy ra ngày hôm qua ...

- Mô tả bản thân, gia đình và mọi người chung quanh.
- Mô tả nền tảng giáo dục cá nhân, công việc trước đây và hiện tại.
- Mô tả sở thích cá nhân.
- Mô tả thành phố quê hương, nơi bản thân đang sinh sống.
- Mô tả ngày nghỉ cuối tuần hoặc kỳ nghỉ vừa qua.

**3.3.3. Nội dung**

Nội dung được thiết kế để thực hiện việc dạy kết hợp giữa tiếng Anh cơ bản quy định cho Bậc 2<sup>1</sup> và phần kiến thức chuyên ngành dành cho ngành Công nghệ thông tin<sup>2</sup> theo hướng thực hành nghề nghiệp.

**NỘI DUNG PHẦN KIẾN THỨC CƠ BẢN BẬC 1 LÊN BẬC 2**

<b>Chủ điểm (Topics)</b>	<b>Kỹ năng (Skills)</b>	<b>Chức năng/ Khái niệm (Functions/notions)</b>	<b>Ngữ pháp (Grammar)</b>	<b>Từ vựng (Vocabulary)</b>
Home and Family	Reading for general information	Describing things, rooms in a house. Describing family	There is/are ... ...has/have got ...	Furnitures, rooms in a house, family

<sup>1</sup> North, Ortega, Sheehan (2010)

Sarah Cunningham, Peter Moor Jane Comyns Carr (2006)

<sup>2</sup> Maja Olejniczak (2011)

	Listening for gist	relationship.	Simple present tense	tree
Hobbies and leisure activities	Interviewing Speaking on the phone Reading for general information	Describing habits and routines Describing outdoor and indoor activities Expressing personal opinions about entertainment	Present Simple Adverbs of frequency Prepositional phrases (place, time and movement)	Sports Films Books
Shopping	Reading for details Speaking	Describing places, things Request Suggestion	Articles-with uncountable and countable nouns Much-many Any-some Verb-ing	Food and drink Things in the town, shops and shopping
People and places	Reading for general information Sentence writing	Describing places, people Describing past experiences	Comparatives and superlatives with adjectives Using definite articles Future time (will and going to) Present continuous for future	Travel and services Means of transports Tickets Hotels
Work and jobs	Listening for general information Speaking-interviewing	Obligation and necessity Describing duties	Modal verbs-have to, must, should Phrasal verbs Verbs +to infinitive	Adjectives of personality Work place Jobs Qualifications

School life	Listening for details Speaking Reading for details	Describing past experience and events. Expressing feelings	Past simple Wh-question in past Modal verbs- can could	School and college's subjects Types of examination Methods of learning
Foods and drinks	Listening for gist. Speaking Sentence writing	Describing food and drink. Ordering and taking orders	Countable and uncountable nouns. Modal verbs Would like + to-infinitive	Foods and drinks Menu
The world around us	Reading for general information Paragraph writing	Describing surroundings, animal life. Expressing ability	Can and can't for ability Use of articles Present perfect simple Time phrases with present perfect and past simple	Animals and natural features.

### NỘI DUNG PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH BẬC 1 LÊN BẬC 2

<b>Chủ điểm (Topics)</b>	<b>Kỹ năng (Skills)</b>	<b>Chức năng/ Khái niệm (Functions/notions)</b>	<b>Ngữ pháp (Grammar)</b>	<b>Từ vựng (Vocabulary)</b>
Working in the IT industry	Speaking – Exchanging information. Listening for specific information.	Introducing yourself and others Describing your job Describing your daily routine and times	Present simple of <i>To be</i> Personal questions Schedules	Introductions Jobs Routines Times Acronyms

	Writing simple job descriptions			
Computer systems	Reading for specific information Speaking – Exchanging technical information Sentence writing	Describing computer hardware/software Making comparisons	Present simple of <i>to have</i> Comparatives Superlatives	Computer hardware Computer software
Computer Usage	Talking about ability and necessity Talking about obligations Writing simple emails	Describing tasks Understanding computer usage	Present continuous Must/mustn't Can/can't Don't have to	Computer tasks Computer usage
Websites	Talking about your favourite websites Reading for gist Listening for main ideas Writing	Discussing the purpose of websites Describing steps of a process Describing your likes and dislikes	Question words Time words for sequence (first, next, then, after that ...)	Purpose of websites Website analytics tools Functions/Features of a website Adjectives

	guided sentences			
Databases	Reading for specific information Sentence writing	Describing data processing steps Talking about data storage and devices Asking for and giving advice	Polite requests (Can/Could/Would you ..., please?) Quick questions to check understanding (Ok?/Got that?/All right? ...) Prepositions of time and place/position	Entering a database Data processing steps Data storage and back-up solutions
Network systems	Speaking Reading for general ideas Listening for gist	Describing networks Making recommendations and suggestions	Linking words for giving reasons Past simple Why don't you ...?	Types of network system Network hardware Problems with hardware
IT support	Talking about results of an action Writing short service reports	Explaining the use of thing Describing functions Dealing with problems	Present perfect Use/used for + v-ing Use/used to +verb	Computer hardware Possible solutions
Careers in computing	Reading for specific details Writing with guided information	Talking about duties Describing job activities Describing job requirements	Modal verbs Simple present tense	System analyst, technical sale manager, hardware engineer, software designer



### 3.3.4. Kiểm tra và đánh giá

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm cung cấp thông tin phản hồi về sự tiến bộ và kết quả học tập học sinh đạt được trong quá trình học cũng như thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần bám sát mục tiêu và nội dung giảng dạy của chương trình, dựa trên mục tiêu đã đặt ra cho bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

#### 3.3.4.1. Đánh giá quá trình

Mục tiêu của đánh giá quá trình là giúp cho giáo viên cũng như học sinh theo dõi được sự tiến bộ trong việc thực hiện các mục tiêu của chương trình đặt ra. Bài đánh giá quá trình được thiết kế dưới các thể loại bài tập để kiểm tra cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Trong đó, kỹ năng nói được thể hiện dưới dạng phỏng vấn hoặc đối thoại theo cặp hoặc trình bày nhóm trước lớp. Các nội dung chuyên ngành không đưa vào đánh giá cuối kỳ mà sẽ đưa vào đánh giá quá trình với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, ngữ pháp và từ vựng.

#### 3.3.4.2. Đánh giá cuối kỳ

Việc đánh giá cuối kỳ, thực hiện tại thời điểm cuối học kỳ hoặc cuối năm học sẽ giúp đánh giá mức độ đạt được cuối cùng của các mục tiêu cụ thể của chương trình. Đánh giá cuối kỳ được thực hiện để kiểm tra 4 kỹ năng dựa trên tiêu chí về năng lực đầu ra làm cơ sở cho các quyết định đánh giá của giáo viên đối với học sinh. Các hình thức kiểm tra căn cứ chủ yếu vào các dạng thức đề thi theo quy định của ĐANNQG 2020.

Hoạt động đánh giá cuối kỳ cho chương trình<sup>3</sup> bao gồm:

<b>Kỹ năng</b>	<b>Mục tiêu cụ thể</b>	<b>Hoạt động đánh giá</b>
<b>Nói</b>	Học sinh có thể: - Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về quê hương, đất nước, công việc, thời gian rảnh rỗi, thích và không thích. - Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về các sự kiện trong quá khứ. - Nói về gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các	- Học sinh tham gia phỏng vấn với giáo viên. - Thảo luận theo cặp.

<sup>3</sup> CEF (2001)

	<p>vấn đề trong cuộc sống hằng ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói về các kinh nghiệm cá nhân, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão.</li> </ul>	
<b>Nghe</b>	<p>Học sinh có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu những thông tin và câu hỏi đơn giản về gia đình, con người, thành phố quê hương, công việc, sở thích ...</li> <li>- Hiểu được các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày nếu được nói chậm, rõ ràng và có gợi ý.</li> <li>- Hiểu được các đàm thoại ngắn về gia đình, sở thích và cuộc sống hằng ngày.</li> <li>- Hiểu được các thông tin chính trong các thông báo, ví dụ: dự báo thời tiết ...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe và chọn 1 trong 3 phương án với hình ảnh.</li> <li>- Nghe đối thoại dài và lựa chọn cho phù hợp với 8 câu gợi ý.</li> <li>- Nghe đối thoại dài và lựa chọn với 3 phương án.</li> <li>- Nghe đối thoại dài và điền vào chỗ trống.</li> </ul>
<b>Đọc hiểu</b>	<p>Học sinh có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được các bài khóa ngắn gọn, đơn giản có phần từ vựng quen thuộc.</li> <li>- Tìm được những thông tin quan trọng nhất trong các quảng cáo, thời gian biểu, trang web, ...</li> <li>- Hiểu được các ý chính trong các bản tin ngắn, đơn giản nếu biết đôi chút về chủ đề đó.</li> <li>- Hiểu được các thông điệp đơn giản từ bạn bè qua tin nhắn, thư điện tử, bưu ảnh...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và lựa chọn với 8 bảng thông báo.</li> <li>- Đọc và nhận dạng từ vựng qua 3 phương án.</li> <li>- Đọc và chọn lựa lời đáp phù hợp cho hội thoại.</li> <li>- Đọc lấy thông tin chi tiết với 3 lựa chọn</li> <li>- Đọc và nhận biết những từ, cụm từ và cấu trúc phù hợp qua 3 phương án.</li> </ul>

### **3.4. Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN từ Bậc 2 lên Bậc 3**

#### **3.4.1. Mục tiêu tổng quát**

- Học sinh có thể hiểu những ý chính trong ngôn ngữ thông qua các chủ đề quen thuộc.  
thường gặp trong công việc, ở trường học hay khu vui chơi.

- Học sinh có thể thực hiện được các tình huống giao tiếp cũng như khả năng giải quyết các tình huống nảy sinh trong công việc.
- Học sinh có thể viết về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hoặc các vấn đề liên quan đến sở thích cá nhân, nghề nghiệp, công việc.
- Học sinh có thể miêu tả các sự kiện, các lễ hội, phong tục tập quán của một số vùng miền trong nước và một số vùng trên thế giới.

### **3.4.2. Mục tiêu cụ thể**

**Kỹ năng nói**, học sinh có thể:

- Bắt đầu và kết thúc hội thoại về các đề tài quen thuộc hoặc sở thích cá nhân.
- Đưa ra ý kiến cá nhân trong thảo luận với bạn bè, đồng ý hoặc không đồng ý một cách lịch sự.
- Giao tiếp qua điện thoại với những người quen biết.
- Mô tả về các chủ đề quen thuộc khác nhau liên quan đến sở thích.
- Nói về những trải nghiệm và cảm xúc cá nhân.
- Trình bày ngắn gọn về các lĩnh vực quen thuộc và trả lời các câu hỏi một cách rõ ràng.

**Kỹ năng nghe**, học sinh có thể:

- Hiểu những ý chính của ngôn ngữ chuẩn mực về các đề tài quen thuộc hằng ngày.
- Hiểu rõ những ý chính trong các cuộc thảo luận về các đề tài thường gặp.
- Hiểu những thông tin đơn giản về kỹ thuật như cách vận hành, sử dụng các đồ dùng đơn giản trong gia đình.

**Kỹ năng đọc**, học sinh có thể:

- Hiểu ý chính trong các bài đọc liên quan đến sở thích cá nhân, các lĩnh vực trong đời sống hằng ngày.
- Hiểu thông tin trong các tờ rơi quảng cáo, các bài đọc ngắn liên quan đến công việc.
- Hiểu ý chính các bài báo trong tạp chí về những vấn đề thời sự hoặc đề tài quen thuộc.
- Hiểu được các bức thư cá nhân về các sự kiện, cảm xúc hoặc ước muốn và có khả năng phúc đáp.

**Kỹ năng viết**, học sinh có thể:

- Viết những bài viết ngắn về các chủ đề quen thuộc.

- Viết những bài viết đơn giản về các trải nghiệm và cảm xúc cá nhân qua các chuyến đi.
- Viết thư điện tử, tin nhắn ngắn gọn cho bạn bè hoặc đồng nghiệp.

### 3.4.3. Nội dung

Nội dung được thiết kế để thực hiện việc dạy kết hợp giữa tiếng Anh cơ bản quy định cho Bậc 3<sup>4</sup> và phần kiến thức chuyên ngành dành cho ngành CNTT<sup>5</sup> theo hướng thực hành nghề nghiệp.

#### NỘI DUNG PHẦN KIẾN THỨC CƠ BẢN BẬC 2 LÊN BẬC 3

Chủ điểm (Topics)	Kỹ năng (Skills)	Chức năng/ Khái niệm (Functions/notions)	Ngữ pháp (Grammar)	Từ vựng (Vocabulary)
Education	Speaking Listening for details Reading for gist	Describing subjects Describing school life, rules and regulations	Past tense Past continuous Modals: mustn't/ can't Comparatives and superlatives	Learning facilities Systems of education Qualifications
News	Listening for gist Reading for specific information Paragraph writing	Initiating and closing conversation Describing means of communication Giving and responding to reports	Intensifiers such as <i>too</i> , <i>enough</i> Complex tag questions Passive voices Phrasal verbs	Types of communication Newspaper Magazine Report

<sup>4</sup> North, Ortega, Sheehan (2010)

Sarah Cunningham, Peter Moor Jane Comyns Carr (2006)

<sup>5</sup> Eric H. Glendinning, John McEvan (2010)

Films	Listening for general information Speaking Reading for main ideas	Describing feelings and emotions Expressing opinions, language of narrative description	Modals Past perfect Past simple	Types of films Characters Events
Books and literature	Reading and identifying lexical items Speaking	Checking understanding Describing experience and events	Connecting words Phrasal verbs Passive voices	Kinds of books, novels Characters
Time off	Listening for specific information Speaking	Expressing intentions and wishes Making predictions	Going to, planning to, would like to, would rather. Will/won't	Holidays, leisure activities
Ambitions and dreams	Reading for specific information Speaking - interviewing	Expressing ambitions and dreams	Present perfect and past simple with <i>for</i> and with other time words	Ambitions, achievements, dreams
Take care!	Reading comprehension- Identifying main points Short paragraph writing	Expressing past habits. Asking for and Giving advice.	Used to, would. Should/shouldn't Relative pronouns	Health and accidents
Lifestyle, current	Reading for specific	Describing feelings	Present perfect	Adjectives describing

affairs	information Identifying main points Speaking Listening for general information	and emotions Describing places Managing interaction (Interrupting, changing topic, resuming or continuing)	Simple and continuous Future continuous Conditional 1 <sup>st</sup> and 2 <sup>nd</sup>	characteristics of things, people Political events Cultural events Economic events
---------	---	---	---	---

### NỘI DUNG PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH BẬC 2 LÊN BẬC 3

<b>Chủ đề (Topics)</b>	<b>Kỹ năng (Skills)</b>	<b>Chức năng/ Khái niệm (Functions/notions)</b>	<b>Ngữ pháp (Grammar)</b>	<b>Từ vựng (Vocabulary)</b>
Computer users	Speaking – Exchanging information Reading for specific information Writing a brief description	Describing computer usage Noting specific information	Revision of Past Simple and Present Perfect	Jobs Computer usage
Types and parts of computer	Comparing and contrasting Exchanging technical information Speaking	Describing types and parts of computer and their functions Identifying parts of computer.	Comparison of adjectives and adverbs. Present simple Prepositions of place (in, on, at, ...)	Types and parts of computer
Computer devices	Reading for general information Reading and	Describing functions Giving advice Asking for more	An X is used for An X is used in	Input devices Output devices Storage devices

	identifying structural words	information.	You can use an X to Using an X, you can	
Operating system	Reading for specific information Gap filling Rewriting sentences Speaking	Giving commands Giving instructions Predicting	Do this/don't do that -ing form as a noun, after prepositions	Application programs, application software, memory, operating system, command, user interface, CPU
Graphical User Interface	Reading diagrams Speaking Listening for main ideas	Providing explanations Describing functions Making commands	Verb+obj.+inf. Verb+obj.+to -inf.	Commands User Interfaces
Application programs	Exchanging information Writing simple instructions/recommendations	Note-taking Making recommendations	Instructions Imperatives First...then... next... finally...	Instructions Program types browsers
Multimedia	Reading for specific information Speaking-interviewing Sentence writing	Explaining Describing a process.	-ing clause: Cause and Effect Linking word: when, and	Download, MP3 files, browser, track, music library, reduce, rip/ripper

The World Wide Web	Scanning for specific details Listening for specific information	Explaining Describing Comparing	Relative pronouns with prepositions (in which, on which) Passive voice Adverb clauses of place	Domain names Web servers URL Email Protocols
--------------------	---	---------------------------------------	--	--

#### **3.4.4. Kiểm tra và đánh giá**

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm cung cấp thông tin phản hồi về sự tiến bộ và kết quả học tập học sinh đạt được trong quá trình học cũng như thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần bám sát mục tiêu và nội dung giảng dạy của chương trình, dựa trên mục tiêu đã đặt ra trên bốn kỹ năng ngôn ngữ, nghe, nói, đọc, viết.

##### **3.4.4.1. Đánh giá quá trình**

Mục tiêu của đánh giá quá trình là giúp cho giáo viên cũng như học sinh theo dõi được sự tiến bộ trong việc thực hiện các mục tiêu của chương trình đặt ra. Bài đánh giá quá trình được thiết kế dưới các thể loại bài tập để kiểm tra cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Trong đó, kỹ năng nói được thể hiện dưới dạng phỏng vấn hoặc đối thoại theo cặp hoặc trình bày nhóm trước lớp. Các nội dung chuyên ngành có thể không đưa vào đánh giá cuối kỳ mà sẽ đưa vào đánh giá quá trình với các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, ngữ pháp và từ vựng.

##### **3.4.4.2. Đánh giá cuối kỳ**

Việc đánh giá cuối kỳ, thực hiện tại thời điểm cuối học kỳ hoặc cuối năm học sẽ giúp đánh giá mức độ đạt được cuối cùng của các mục tiêu cụ thể của chương trình. Đánh giá cuối kỳ được thực hiện để kiểm tra 4 kỹ năng dựa trên tiêu chí về năng lực đầu ra làm cơ sở cho các quyết định đánh giá của giáo viên đối với học sinh. Các hình thức kiểm tra đánh giá cuối kỳ có thể căn cứ vào các dạng thức đề thi theo quy định của ĐANNQG 2020.



Hoạt động đánh giá cuối kỳ cho chương trình <sup>6</sup> thường bao gồm:

<b>Kỹ năng</b>	<b>Mục tiêu cụ thể</b>	<b>Hoạt động đánh giá</b>
<b>Nói</b>	<p>Học sinh có thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bắt đầu và kết thúc hội thoại về các đề tài quen thuộc hoặc sở thích cá nhân.</li> <li>- Đưa ra ý kiến cá nhân trong thảo luận với bạn bè, đồng ý hoặc không đồng ý một cách lịch sự.</li> <li>- Giao tiếp qua điện thoại với những người quen biết.</li> <li>- Nói về các chủ đề quen thuộc khác nhau liên quan đến sở thích.</li> <li>- Nói về những trải nghiệm và cảm xúc cá nhân.</li> <li>- Trình bày ngắn gọn về các lĩnh vực quen thuộc và trả lời các câu hỏi một cách rõ ràng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người học tham dự cuộc phỏng vấn trực tiếp với giáo viên.</li> <li>- Trình bày cá nhân về một chủ đề.</li> <li>- Thảo luận theo cặp.</li> <li>- Hỏi và trả lời những câu hỏi chuyên sâu của chủ đề.</li> </ul>
<b>Nghe</b>	<p>Học sinh có thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu những ý chính của ngôn ngữ chuẩn mực về các đề tài quen thuộc hằng ngày.</li> <li>- Hiểu rõ những ý chính trong các cuộc thảo luận về các đề tài thường gặp.</li> <li>- Hiểu những thông tin đơn giản về kỹ thuật như cách vận hành, sử dụng các đồ dùng đơn giản trong gia đình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nghe dưới nhiều dạng bài kiểm tra như: hình thức trắc nghiệm, điền từ, trả lời đúng sai, lựa chọn câu trả lời phù hợp.</li> </ul>
<b>Đọc hiểu</b>	<p>Học sinh có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu ý chính trong các bài đọc liên quan đến sở thích cá nhân, các lĩnh vực trong đời sống hằng ngày.</li> <li>- Hiểu những thông tin trong các tờ rơi quảng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra đọc hiểu dưới nhiều dạng như: bài tập trắc nghiệm với 3</li> </ul>

<sup>6</sup> CEF (2001)

	<p>cáo hoặc các bài đọc ngắn liên quan đến công việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu ý chính của bài báo trong tạp chí về những vấn đề thời sự hoặc đề tài quen thuộc.</li> <li>- Hiểu được các bức thư cá nhân về các sự kiện, cảm xúc hoặc ước muốn và có khả năng phúc đáp.</li> </ul>	<p>khả năng lựa chọn, bài tập chọn câu trả lời tương thích, trả lời đúng sai, trắc nghiệm với 4 lựa chọn trong bài tập điền từ.</p>
<b>Viết</b>	<p>Học sinh có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết những bài viết ngắn về những chủ đề quen thuộc.</li> <li>- Viết những bài viết đơn giản về các trải nghiệm và cảm xúc cá nhân qua các chuyến đi.</li> <li>- Viết các thư điện tử, tin nhắn ngắn gọn cho bạn bè hoặc đồng nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết một đoạn văn ngắn.</li> <li>- Viết thư điện tử.</li> <li>- Viết câu chuyện ngắn về các chủ đề quen thuộc.</li> </ul>

### 3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình

#### 3.5.1. Yêu cầu về đối tượng tham gia

Học sinh tham gia chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN Bậc 1 lên Bậc 2 hoặc Bậc 2 lên Bậc 3 phải tham dự một bài kiểm tra đầu vào xếp trình độ (placement test). Học sinh đạt kết quả kiểm tra đầu vào tương đương Bậc 1 sẽ tham gia chương trình thí điểm tiếng Anh tăng cường Bậc 1 lên Bậc 2. Học sinh đạt kết quả kiểm tra đầu vào tương đương Bậc 2 sẽ tham gia chương trình thí điểm tiếng Anh tăng cường Bậc 2 lên Bậc 3.

#### 3.5.2. Điều kiện thực hiện chương trình

Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường Bậc 1 lên Bậc 2 và Bậc 2 lên Bậc 3 được xây dựng bám sát theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và được thực hiện thông qua 2 hình thức phi trực tuyến và trực tuyến.

##### ***Hình thức phi trực tuyến:***

Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường Bậc 1 lên Bậc 2 có thời lượng đề nghị là 180 tiết, trong đó học sinh học tại lớp là 90 tiết và tự học với sự hướng dẫn của giáo viên là 90 tiết. Chương trình học tại lớp 90 tiết (thời gian mỗi tiết là 45 phút) gồm 2 nội dung được đề nghị như sau: tiếng Anh cơ bản (8

chủ đề) dạy trong 60 tiết và tiếng Anh chuyên ngành (5 chủ đề được lựa chọn trong 8 chủ đề đưa ra) dạy trong 30 tiết.

Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường Bậc 2 lên Bậc 3 có thời lượng đề nghị là 300 tiết, trong đó học sinh học tại lớp là 150 tiết và tự học với sự hướng dẫn của giáo viên là 150 tiết. Chương trình học tại lớp 150 tiết cũng gồm 2 nội dung như sau: tiếng Anh cơ bản (8 chủ đề) dạy trong 90 tiết và tiếng Anh chuyên ngành (6 chủ đề được lựa chọn trong 8 chủ đề đưa ra) với số tiết dạy là 60.

#### ***Hình thức trực tuyến:***

Cả 2 chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường Bậc 1 lên Bậc 2 và Bậc 2 lên Bậc 3 được thực hiện thông qua các tài khoản trực tuyến được gửi trực tiếp đến cho học sinh. Học sinh phải tự sắp xếp thời gian để tham gia đầy đủ và có trách nhiệm với các hoạt động của khóa học trực tuyến (online). Giáo viên cần sắp xếp các buổi gặp mặt trực tiếp (off-line) để giải đáp các thắc mắc của học sinh và hướng dẫn thêm nếu cần thiết.

#### ***3.5.3. Phạm vi thực hiện***

Chương trình này được áp dụng cho tất cả các cơ sở đào tạo TCCN trong toàn quốc có đầy đủ điều kiện tổ chức thực hiện, đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và đội ngũ quản lý.

#### ***3.5.4. Phương pháp dạy-học***

##### ***Tự học có hướng dẫn (Guided Independent Learning/Study - GIL/GIS):***

Để giúp học sinh tự học, giáo viên cần hướng dẫn học sinh:

- Xác định lĩnh vực kiến thức hay kỹ năng trong hoặc ngoài chương trình chính thức mình cần phải nâng cao hay quan tâm học hỏi. Ví dụ: học sinh quan tâm đến chuyên ngành có thể muốn học thêm từ vựng có liên quan về hệ điều hành (operating systems) hay nâng cao kiến thức về chủ đề này thông qua đọc các bài báo bằng tiếng Anh.

- Xác định mục tiêu mình cần đạt đối với kiến thức và kỹ năng đã được chọn. Ví dụ: học sinh quan tâm mở rộng kiến thức về hệ điều hành có thể đặt mục tiêu hiểu chi tiết các bài báo mình đọc (reading for details).

- Lập kế hoạch thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra. Ví dụ: với mục đích đọc hiểu chi tiết bài báo về hệ điều hành, mỗi tuần học sinh tìm một bài báo, đọc và viết tóm tắt lại những chi tiết mình quan tâm.

- Hỗ trợ học sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch. Ví dụ: giúp học sinh tìm nguồn tài liệu trên internet hay giải quyết các khó khăn về đọc hiểu mà học sinh gặp phải.

- Hướng dẫn học sinh tự đánh giá mức độ đạt được và tổ chức cho học sinh đánh giá kết quả lẫn nhau. Ví dụ: có thể tổ chức buổi trình bày kết quả tự học, để học sinh có cơ hội đánh giá và học hỏi lẫn nhau về các kỹ năng tự học.

***Phương pháp dạy học tích hợp ngôn ngữ và chuyên ngành (Content and Language Integrated Learning - CLIL):***

Đối với khối kiến thức chuyên ngành, giáo viên cần khai thác phương pháp tích hợp ngôn ngữ và chuyên ngành thông qua:

- Chọn lựa tài liệu tiếng Anh chuyên ngành phù hợp với chủ đề của chương trình và biên soạn tài liệu trên cơ sở hỗ trợ học sinh tiếp thu kiến thức chuyên ngành.

- Khai thác nội dung ngôn ngữ bằng cách biên soạn bổ sung các hoạt động nâng cao ý thức ngôn ngữ hay thủ đắc ngôn ngữ bên cạnh nội dung chuyên ngành.

Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN được thiết kế với 2 nội dung: tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành, trong đó tiếng Anh cơ bản được đưa vào giai đoạn 1 và tiếng Anh chuyên ngành được đưa vào giai đoạn 2 với phương pháp dạy học tích hợp năng lực ngôn ngữ với chuyên môn nghề nghiệp (CLIL).

Để đạt được các mục tiêu cụ thể, giáo viên tham gia chương trình cần vận dụng linh hoạt các hoạt động dạy-học theo phương pháp giao tiếp kết hợp cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

***3.5.4.1. Các hoạt động dạy-học cho chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN Bậc 1 lên Bậc 2***

<b>Kỹ năng</b>	<b>Mục tiêu cụ thể</b>	<b>Hoạt động dạy-học</b>
<b>Nói</b>	Học sinh có thể : - Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về quê hương, đất nước, công việc, thời gian rảnh rỗi, thích và không thích. - Hỏi trả lời các câu hỏi đơn giản về các sự	- Hỏi và trả lời giữa giáo viên và học sinh. - Hội thoại theo

	<p>kiện trong quá khứ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói về gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các vấn đề trong cuộc sống hằng ngày.</li> <li>- Nói về các kinh nghiệm cá nhân, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão. Nói về các kinh nghiệm cá nhân, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão.</li> <li>- Nêu lý do và giải thích các ý kiến, kế hoạch cá nhân.</li> </ul>	<p>cặp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận theo nhóm.</li> <li>- Phỏng vấn.</li> <li>- Đóng vai theo hội thoại.</li> </ul>
<b>Nghe</b>	<p>Học sinh có thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu những thông tin và câu hỏi đơn giản về gia đình, con người, thành phố quê hương, công việc, sở thích ...</li> <li>- Hiểu các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày nếu được nói chậm, rõ ràng và có gợi ý.</li> <li>- Hiểu các đàm thoại ngắn về gia đình, sở thích và cuộc sống hằng ngày.</li> <li>- Hiểu các thông tin chính trong các thông báo, ví dụ: dự báo thời tiết ...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu những ý chính của thông tin.</li> <li>- Nghe những cuộc nói chuyện qua điện thoại.</li> <li>- Nghe để nắm rõ các chi tiết của thông tin.</li> </ul>
<b>Đọc hiểu</b>	<p>Học sinh có thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu các bài khóa ngắn gọn, đơn giản có phần từ vựng quen thuộc.</li> <li>- Tìm được những thông tin quan trọng nhất trong các quảng cáo, thời gian biểu, trang web.</li> <li>- Hiểu các ý chính trong các bản tin ngắn, đơn giản.</li> <li>- Hiểu các thông điệp đơn giản từ bạn bè qua tin nhắn, thư điện tử, bưu ảnh...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc lướt để lấy thông tin chính.</li> <li>- Đọc để lấy các thông tin chi tiết.</li> <li>- Thảo luận theo cặp để trả lời các câu hỏi về nội dung của thông tin.</li> <li>- Thảo luận theo nhóm và trình bày trước lớp về nội dung thông tin đọc được.</li> </ul>

<b>Viết</b>	<p>Học sinh có thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết thư cá nhân mô tả kinh nghiệm, cảm tưởng về một sự việc nào đó.</li> <li>- Viết những thông điệp đơn giản, ví dụ viết thư mời, hẹn gặp hoặc thay đổi lời mời, lời hẹn.</li> <li>- Sử dụng ngôn ngữ đơn giản để viết về các sự việc và con người mà bản thân biết rõ. Ví dụ: tả một người bạn, kể lại sự việc đã xảy ra ngày hôm qua ...</li> <li>- Mô tả sở thích cá nhân.</li> <li>- Mô tả ngày nghỉ cuối tuần hoặc kỳ nghỉ vừa qua.</li> <li>- Viết về các dự định và kế hoạch trong tương lai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết thư dưới dạng điền thông tin.</li> <li>- Viết bản tóm tắt một sự kiện đã xảy ra.</li> <li>- Viết đoạn văn theo từ gợi ý.</li> </ul>
-------------	---	---

**3.5.4.2. Các hoạt động dạy-học cho chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường hệ TCCN Bậc 2 lên Bậc 3**

<b>Kỹ năng</b>	<b>Mục tiêu cụ thể</b>	<b>Phương pháp dạy-học</b>
<b>Nói</b>	<p>Học sinh có thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bắt đầu và kết thúc hội thoại trực tiếp về các đề tài quen thuộc hoặc sở thích cá nhân.</li> <li>- Đưa ra ý kiến cá nhân trong thảo luận với bạn bè, đồng ý hoặc không đồng ý một cách lịch sự.</li> <li>- Sử dụng giao tiếp qua điện thoại với những người quen biết.</li> <li>- Mô tả về các chủ đề quen thuộc khác nhau liên quan đến sở thích.</li> <li>- Nói về những trải nghiệm và cảm xúc cá nhân</li> <li>- Trình bày ngắn gọn về các lĩnh vực quen thuộc và trả lời các câu hỏi một cách rõ ràng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phỏng vấn: hỏi-đáp giữa giáo viên-học sinh.</li> <li>- Thảo luận theo nhóm.</li> <li>- Hội thoại theo cặp</li> <li>- Đóng vai theo tình huống.</li> <li>- Trình bày theo nhóm trước lớp.</li> </ul>

<p><b>Nghe</b></p>	<p>Học sinh có thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu những điểm chính về các đề tài quen thuộc hằng ngày.</li> <li>- Hiểu rõ những điểm chính trong một cuộc thảo luận.</li> <li>- Hiểu những thông tin về kỹ thuật đơn giản như cách vận hành cách làm theo các chỉ dẫn của các vật dụng đơn giản trong gia đình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe nội dung chính của thông tin.</li> <li>- Nghe và điền thông tin.</li> <li>- Nghe để lấy thông tin chi tiết.</li> </ul>
<p><b>Đọc hiểu</b></p>	<p>Học sinh có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu ý chính trong một bài đọc về những đề tài liên quan đến sở thích cá nhân và có khả năng nhận biết được các ý kiến xoay quanh chủ đề đó.</li> <li>- Hiểu những thông tin trong một tờ rơi quảng cáo hoặc một bài đọc ngắn liên quan đến sở thích cá nhân.</li> <li>- Hiểu ý chính trong một bài báo ở tạp chí về những đề tài thời sự hoặc đề tài quen thuộc.</li> <li>- Hiểu được các bức thư cá nhân nói về các sự kiện, cảm xúc hoặc ước muốn và có khả năng phúc đáp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về ý chính của chủ đề.</li> <li>- Đọc lướt để lấy thông tin chính.</li> <li>- Đọc để lấy thông tin chi tiết.</li> <li>- Đọc và điền thông tin.</li> <li>- Đọc và lựa chọn các tiêu đề phù hợp.</li> </ul>
<p><b>Viết</b></p>	<p>Học sinh có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết những bài viết ngắn về các đề tài quen thuộc.</li> <li>- Viết bài viết đơn giản về các trải nghiệm cá nhân như về một chuyến đi hoặc mô tả phản ứng cá nhân đối với các trường hợp cụ thể.</li> <li>- Viết các email, tin nhắn đầy đủ thông tin cho bạn bè hoặc đồng nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Viết từng đoạn văn ngắn.</li> <li>- Viết văn theo thể loại mô tả.</li> <li>- Viết e-mail theo các câu hỏi gợi ý.</li> </ul>

### 3.5.5. Tài liệu dạy-học

Dựa trên chương trình, giáo viên cần soạn tài liệu bảo đảm chuyển tải được các nội dung của chương trình. Trong trường hợp giáo viên không thể hoặc không có đủ khả năng biên soạn tài liệu đúng theo nội dung chương trình, giáo

viên có thể chọn các giáo trình tương thích với các cấp độ của chương trình. Những giáo trình dưới đây được đề nghị đưa vào sử dụng cho chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường theo từng cấp độ tương ứng như Bậc 1 lên Bậc 2 là sơ cấp (elementary) và Bậc 2 lên Bậc 3 là sơ trung cấp (pre-intermediate):

**Face to Face** bao gồm *Sách dành cho người học* (Students' Book) và *Sách bài tập* (Workbook) do các tác giả Chris Redston và Gillie Cunningham biên soạn và do NXB Cambridge University Press ấn hành năm 2005, được đề nghị sử dụng vì đây là bộ sách nằm trong danh mục sách dùng để giảng dạy theo Khung năng lực ngoại ngữ với đầy đủ các yếu tố đáp ứng cho từng cấp độ từ Bậc 1 lên Bậc 6.

**New Cutting Edge** bao gồm *Sách dành cho người học* (Students' Book) và *Sách bài tập* (Workbook) do các tác giả Sarah Cunningham, Peter Moor và Jane Comyns Carr biên soạn và do NXB Longman ấn hành năm 2006. Đây là bộ sách nằm trong danh mục sách dùng để giảng dạy theo Khung năng lực ngoại ngữ với đầy đủ các yếu tố đáp ứng cho từng cấp độ từ Bậc 1 lên Bậc 6.

**Solutions** bao gồm *Sách dành cho người học* (Students' Book) và *Sách bài tập* (Workbook) do các tác giả Tim Falla, Paul A Davies và do NXB Oxford University Press ấn hành năm 2007. Bộ sách này được soạn phù hợp với chương trình theo từng cấp độ từ Bậc 1 lên Bậc 6 và đặc biệt là có phần học trực tuyến để phục vụ cho việc tự học của học sinh.

**English for Information Technology 1** và **English for Information Technology 2** trong bộ sách Vocational English của tác giả Maja Olejniczak, do nhà xuất bản Peason-Longman ấn hành năm 2011. Đây là bộ sách tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thông tin được biên soạn theo chuẩn năng lực ngoại ngữ, từ Bậc 1 lên Bậc 3, phù hợp với trình độ đầu vào của học sinh TCCN.

**Basic English for Computing** của các tác giả Eric H. Glendinning và John McEvan do nhà xuất bản Oxford University Press tái bản năm 2003 gồm các bài có nội dung chuyên ngành CNTT cơ bản phù hợp với trình độ ngoại ngữ Bậc 2, phát triển cả 4 kỹ năng nghe, nói đọc, viết.

**Oxford English for Information Technology** của các tác giả Eric H. Glendinning và John McEvan do nhà xuất bản Oxford University Press tái bản năm 2010 gồm các bài có nội dung chuyên ngành CNTT phù hợp với Bậc 3, phát triển cả 4 kỹ năng nghe, nói đọc, viết.



### **3.5.6. *Đội ngũ tham gia chương trình***

- *Đội ngũ quản lý*: Đội ngũ quản lý nhà trường và các chuyên viên phụ trách môn học ở cấp phòng, sở cần tham gia các khóa bồi dưỡng về tổ chức thực hiện chương trình để hỗ trợ đội ngũ giáo viên trong quá trình triển khai chương trình.

- *Đội ngũ giáo viên*:

+ Trình độ: giáo viên dạy chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường phải có trình độ đại học chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (tương đương cấp độ C1 của Khung năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu) để có thể giảng dạy chủ yếu bằng tiếng Anh trên lớp, có kiến thức chuyên môn về CNTT và có khả năng ứng dụng CNTT trong dạy học.

+ Kỹ năng biên soạn tài liệu và giáo trình: Giáo viên tiếng Anh tham gia chương trình cần phải có các kiến thức và kỹ năng cơ bản về biên soạn tài liệu dựa vào chương trình và thay đổi tài liệu cho phù hợp với nhu cầu và trình độ của học sinh.

+ Kỹ năng CNTT: Biết kết hợp CNTT ở mức độ cơ bản trong giảng dạy và hướng dẫn học sinh tự học qua chương trình trực tuyến.

+ Bồi dưỡng chuyên môn: Đã kinh qua các lớp bồi dưỡng giáo viên về phương pháp giảng dạy dành cho giáo viên TCCN theo *Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020*.

### **3.5.7. *Cơ sở vật chất đảm bảo dạy-học***

***Đối với hình thức phi trực tuyến:***

- Số lượng học sinh: Cơ số học sinh tối đa cho một lớp học theo chương trình tiếng Anh tăng cường là 30 học sinh.

- Phòng học được bố trí bàn ghế dễ di chuyển để tạo điều kiện tổ chức các hoạt động theo cặp nhóm thuận lợi.

- Trang thiết bị: Để bảo đảm thực hiện tốt công tác dạy học tiếng Anh theo chương trình thí điểm tăng cường, các cơ sở đào tạo TCCN phải cung cấp đủ những trang thiết bị nghe nói như máy cassette, đĩa, máy tính, màn hình, máy chiếu, và hệ thống âm thanh.

### ***Đối với hình thức trực tuyến:***

- Máy tính cá nhân của học sinh phải được kết nối mạng internet. Trong trường hợp học sinh không có máy tính cá nhân thì có thể sử dụng các máy tính được nối mạng ở phòng LAB hoặc thư viện trường.

- Cần có phòng tư vấn trực tiếp với đầy đủ trang thiết bị nghe nhìn hiện đại được kết nối mạng internet đáp ứng được mọi nhu cầu học ngoại ngữ.

## **4. ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH**

Việc đánh giá chương trình được tiến hành dựa trên cơ sở thu thập minh chứng phục vụ cho đánh giá chương trình đào tạo. Thu thập minh chứng dựa trên nhiều nguồn thông tin và tài liệu khác nhau, ví dụ: xem xét các văn bản, tài liệu liên quan đến chương trình đào tạo (mục tiêu, khung chương trình, đề cương môn học, cơ sở vật chất, phương pháp giảng dạy và học tập), phỏng vấn cá nhân, phỏng vấn theo nhóm, sử dụng phiếu điều tra, phiếu góp ý của học sinh cuối khóa học (end-of-course survey), dự giờ (class observation), nhật ký giảng dạy, sử dụng các chuyên gia đánh giá ngoài và theo dõi kết quả học tập của một nhóm học sinh nhất định theo thời gian.

## **5. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

### **\* Tài liệu tiếng Việt**

1. Thủ tướng chính phủ (2008), *Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020* (1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008).

2. Bộ giáo dục và đào tạo (2012) *Kế hoạch triển khai dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo năm 2012* (5169/BGDĐT-KHTC ngày 10 tháng 8 năm 2012).

### **\* Tài liệu tiếng Anh**

3. CEF (2001) *Teacher's Guide to the Common European Framework* [Online]. Available: <http://www.pearsonlongman.com/ae/cef/cefguide.pdf>.

4. Glendinning, E. H. & McEvan, J. (2003). *Basic English for Computing*. Oxford University Press.

5. Glendinning, E. H. & McEvan, J. (2010). *Oxford English for Information Technology*. Oxford University Press.

6. North, B., Ortega, A. and Sheehan, S. (2010) *A Core Inventory for General English*. British Council/EAQUALS.
7. Olejniczak, Maja (2011) *English for Information Technology 1*, Pearson, Longman.
8. Olejniczak, Maja (2011) *English for Information Technology 2*, Pearson, Longman.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CHƯƠNG TRÌNH**

**THÍ ĐIỂM ĐÀO TẠO TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG**

**TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP NGÀNH DU LỊCH**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 3340/QĐ-BGDĐT  
Ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Hà Nội 7/2013**

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>1</b>
1.1. Sự cần thiết xây dựng chương trình	1
1.2. Thời lượng	1
1.3. Phạm vi sử dụng chương trình	2
<b>2. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>2</b>
2.1. Căn cứ pháp lý	2
2.2. Căn cứ lý luận	3
2.3. Căn cứ thực tiễn	4
2.3.1. Trình độ đầu vào	4
2.3.2. Nhu cầu và mục đích học	4
2.3.3. Tình hình dạy-học (Phương pháp, thời lượng, kiểm tra đánh giá, tài liệu dạy-học)	4
<b>3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>5</b>
3.1. Đối tượng tham gia chương trình	5
3.2. Mục tiêu chung của chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường TCCN	5
3.3. Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN từ Bậc 1 lên Bậc 2	6
3.3.1. Mục tiêu tổng quát	6
3.3.2. Mục tiêu cụ thể	6
3.3.3. Nội dung	6
3.3.4. Kiểm tra và đánh giá	11
3.3.4.1. Đánh giá quá trình	12
3.3.4.2. Đánh giá cuối kỳ	12
3.4. Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN từ Bậc 2 lên Bậc 3	14
3.4.1. Mục tiêu tổng quát	14
3.4.2. Mục tiêu cụ thể	14
3.4.3. Nội dung	15

3.4.4.	Kiểm tra và đánh giá	19
3.4.4.1.	Đánh giá quá trình	19
3.4.4.2.	Đánh giá cuối kỳ	19
3.5.	Hướng dẫn thực hiện chương trình	21
3.5.1.	Yêu cầu về đối tượng tham gia	21
3.5.2.	Điều kiện thực hiện chương trình	21
3.5.3.	Phạm vi thực hiện	21
3.5.4.	Phương pháp dạy-học	22
3.5.4.1.	Các hoạt động dạy-học cho chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN Bậc 1 lên Bậc 2	23
3.5.4.2.	Các hoạt động dạy-học cho chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN Bậc 2 lên Bậc 3	25
3.5.5.	Tài liệu dạy-học	26
3.5.6.	Đội ngũ tham gia chương trình	27
3.5.7.	Cơ sở vật chất đảm bảo dạy-học	28
<b>4.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>29</b>
<b>5.</b>	<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## **1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH**

### **1.1. Sự cần thiết xây dựng chương trình**

Trong quá trình toàn cầu hóa, tiếng Anh được xem như một ngôn ngữ giao tiếp thông dụng nhất đặc biệt hữu ích phục vụ cho việc trao đổi kinh tế, văn hoá... trên toàn thế giới, do đó việc dạy và học tiếng Anh đã và đang được đặc biệt chú trọng ở tất cả các bậc học. Theo thống kê của “*Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020*”, tỉ lệ học sinh học ngoại ngữ đã tăng đáng kể từ 76,8% năm 2002 lên 85,4% năm 2003. Tiếng Anh là môn học bắt buộc ở hầu hết các trường. Riêng tại các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), học sinh tham gia học tiếng Anh chiếm 99,4%. Chương trình ngoại ngữ được xây dựng trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, với số tiết quy định từ 60 tiết đến 210 tiết tùy theo hệ tuyển và thời gian đào tạo.

Tuy nhiên, chương trình chỉ đáp ứng được một số mục đích cơ bản như trang bị kiến thức ngữ pháp, đọc tài liệu chuyên môn ở cấp độ đơn giản, đáp ứng yêu cầu thi tuyển công chức. Việc giảng dạy môn tiếng Anh ở các cơ sở đào tạo phần lớn còn gặp nhiều khó khăn, chất lượng không đồng đều, khả năng giao tiếp của học sinh còn rất nhiều hạn chế. Thực trạng này là khá phổ biến đối với các cơ sở đào tạo TCCN. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ cho học sinh TCCN là việc làm hết sức cần thiết, đặc biệt là đối với học sinh ngành Du lịch. Khả năng vận dụng tiếng Anh tốt sẽ giúp học sinh tự tin để sẵn sàng gia nhập thị trường lao động trong và ngoài nước. Với những lý do nêu trên, điều cần thiết phải làm là biên soạn một chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN cho ngành Du lịch dựa trên cơ sở tiếp nối chương trình tiếng Anh ở trung học cơ sở và trung học phổ thông.

### **1.2. Thời lượng**

Chương trình gồm 2 phần: tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành Bậc 1 lên Bậc 2 và Bậc 2 lên Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thời lượng cho chương trình Bậc 1 lên Bậc 2 là 180 tiết, trong đó 60 tiết học trực tuyến hoặc phi trực tuyến cho tiếng Anh cơ bản và 30 tiết cho tiếng Anh chuyên ngành học tại lớp với sự hướng dẫn của giáo viên. Phần tự học của học sinh là 90 tiết.

Thời lượng cho chương trình Bậc 2 lên Bậc 3 là 300 tiết, trong đó 90 tiết học trực tuyến hoặc phi trực tuyến cho tiếng Anh cơ bản và 60 tiết cho tiếng Anh chuyên ngành học tại lớp với sự hướng dẫn của giáo viên. Phần tự học của học sinh là 150 tiết.

### **1.3. Phạm vi sử dụng chương trình**

Chương trình được dùng cho việc quản lý giảng dạy và học tập tiếng Anh tăng cường ở các các cơ sở đào tạo TCCN; biên soạn tài liệu hướng dẫn chương trình; biên soạn, lựa chọn học liệu dạy và học tiếng Anh (giáo trình, sách bài tập, sách hướng dẫn giáo viên, tài liệu tham khảo và tài liệu điện tử...), định hướng phương pháp dạy học tiếng Anh tăng cường ở các cơ sở đào tạo TCCN; đánh giá kết quả học tập của học sinh; xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh.

## **2. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

### **2.1. Căn cứ pháp lý**

Theo “*Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020*” (ĐANNG 2020), việc dạy-học ngoại ngữ ở bậc học TCCN được quy định như sau:

“Trình độ ngoại ngữ chung của học sinh sau khi tốt nghiệp các cơ sở đào tạo TCCN đạt Bậc 3. Các các cơ sở đào tạo cần tiến hành dạy học ngoại ngữ theo nhiều chương trình và thời lượng khác nhau nhằm đáp ứng trình độ đầu vào khác nhau. Các các cơ sở đào tạo cần kiểm tra trắc nghiệm về năng lực ngoại ngữ của học sinh nhập học để sắp xếp chương trình theo học các chương trình ngoại ngữ phù hợp. Tùy theo điều kiện cụ thể của mình, các các cơ sở đào tạo TCCN có thể xây dựng và tiến hành chương trình dạy và học ngoại ngữ đối với học sinh nhập học có trình độ đầu vào là Bậc 3 để đạt được bậc cao hơn nữa” (trang 29-30).

ĐANNG 2020 cũng nêu rõ trong phần mục tiêu cụ thể: “Triển khai chương trình đào tạo tăng cường môn ngoại ngữ đối với giáo dục nghề nghiệp cho khoảng 10% số lượng học sinh dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp vào năm học 2010 - 2011, 60% vào năm 2015 - 2016 và đạt 100% vào năm học 2019 - 2020”.

Theo “*Kế hoạch triển khai dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo năm 2012*”, trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế được



ĐANNGQ 2020 - Bộ GDĐT giao nhiệm vụ biên soạn chương trình tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN cho 3 ngành Điều dưỡng, Công nghệ thông tin (CNTT) và Du lịch.

## 2.2. Căn cứ lý luận

Chương trình được biên soạn dựa trên các nguyên tắc sau:

*Nguyên tắc lấy việc học làm trung tâm (learning - centred):* Theo phương pháp lấy việc học làm trung tâm (learning - centred approach), học tập không còn là một quá trình tiếp thu kiến thức thụ động từ người dạy, mà đó là quá trình tương tác tích cực giữa người dạy và người học, giữa người học với nhau. Học sinh chủ động khám phá và lĩnh hội kiến thức qua quá trình thực hành (learning by doing). Nguyên tắc này đảm bảo sự phù hợp giữa nội dung chương trình và nhu cầu của người học, phát huy kỹ năng giải quyết vấn đề, suy nghĩ phản biện của người học.

*Nguyên tắc lồng ghép tiếng Anh chuyên ngành với tiếng Anh cơ bản:* Đảm bảo học sinh vừa đạt trình độ chung theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành vừa thấy được lợi ích của việc học tiếng Anh qua việc lồng ghép tiếng Anh chuyên ngành vào chương trình.

*Nguyên tắc bảo đảm tính tích cực chủ động của học sinh:* Đảm bảo việc phát huy thái độ tích cực đối với việc học tiếng Anh đồng thời cung cấp cho học sinh những trải nghiệm học tập tích cực nhằm mục đích đáp ứng mục tiêu của chương trình.

*Nguyên tắc phát triển đồng đều các kỹ năng nhưng có trọng điểm:* Đảm bảo phát triển hài hòa bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Tuy nhiên, tùy theo nhu cầu và trình độ thực của học sinh, có thể chú trọng nhiều hơn đến một hay hai kỹ năng mà học sinh còn yếu hay thiếu nhưng vẫn không bỏ quên các kỹ năng còn lại.

*Nguyên tắc chuỗi hệ thống chủ điểm và chủ đề:* Đảm bảo chương trình được thực hiện thông qua chuỗi hệ thống chủ điểm và chủ đề có liên quan chặt chẽ với nhau, có ý nghĩa và phù hợp.

*Nguyên tắc linh hoạt và mềm dẻo:* Đảm bảo tính linh hoạt và mềm dẻo của chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu dạy học tiếng Anh khác nhau trong bối cảnh có sự phân hóa trình độ đầu vào của học sinh TCCN. Học sinh có trình độ đầu vào khác nhau có thể chọn lựa chương trình phù hợp với trình độ của mình.

*Nguyên tắc bảo đảm kết quả đầu ra:* Đảm bảo sau khi học xong chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN, học sinh sẽ đạt trình độ ngoại ngữ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (tương đương với cấp độ B1 của Khung năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu), theo quy định của ĐANNQG 2020.

### **2.3. Căn cứ thực tiễn**

Chương trình được xây dựng dựa vào kết quả khảo sát việc dạy và học tiếng Anh ngành Du lịch ở các cơ sở đào tạo TCCN, đồng thời dựa trên đặc điểm học sinh TCCN, năng lực tiếng Anh đầu vào và bản chất việc làm của học sinh tốt nghiệp ngành Du lịch.

#### **2.3.1. Trình độ đầu vào**

Kết quả khảo sát phần tự đánh giá của học sinh về trình độ tiếng Anh, đánh giá của giáo viên về trình độ đầu vào của học sinh, và số liệu thu thập dựa vào bài kiểm tra trình độ học sinh cho thấy: trình độ tiếng Anh của học sinh ngành Du lịch được chia thành hai: Bậc 1 (46,7%) và Bậc 2 (53,3%).

#### **2.3.2. Nhu cầu và mục đích học**

Do bản chất việc làm sau khi tốt nghiệp của học sinh TCCN ngành Du lịch có liên quan nhiều đến việc sử dụng tiếng Anh để làm việc với các hãng, đại lý, công ty du lịch; do nhu cầu được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ sở, công ty nước ngoài, tham gia vào thị trường lao động ngành Du lịch trong và ngoài nước ngày càng được mở rộng nên học sinh ngành này có động cơ cao khi tham gia học môn tiếng Anh.

Kết quả khảo sát của ngành Du lịch cho thấy mục đích học tiếng Anh của học sinh chủ yếu là để dễ tìm việc làm sau khi ra trường (31,3%) và để giao tiếp tại nơi làm việc (49,5%). Chỉ có 14,1% học sinh cho rằng học tiếng Anh để đối phó với các kỳ thi ở trường và phục vụ cho mục đích giải trí (5,1%).

#### **2.3.3. Tình hình dạy-học (Phương pháp, thời lượng, kiểm tra đánh giá, tài liệu dạy-học)**

Theo kết quả khảo sát, những nhân tố sau đây đã ảnh hưởng đến chất lượng giờ học:

- Dạy học trên lớp còn mang nặng tính lý thuyết và ít chú trọng vào nhu cầu thật của học sinh (58,6%).

- Giáo trình, tài liệu giảng dạy chưa phù hợp và chưa tạo ra hứng thú cho học sinh (64,5%).
- Cơ sở vật chất thiếu thốn chưa đáp ứng được các yêu cầu về dạy và học ngoại ngữ (31,3%).
- Các yếu tố khách quan như phương tiện dạy học hay sĩ số lớp làm ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học ngoại ngữ (61,6%).
- Học sinh rất thích thú với các hoạt động phát huy sự tương tác cũng như các hoạt động mang tính sáng tạo và cạnh tranh giữa người học.
- Hình thức kiểm tra cuối kỳ chỉ tập trung vào hai kỹ năng đọc-viết (64,6%).
- Giáo trình sử dụng hiện nay là *English Know How 1* và *English Know How Opener* của Nhà xuất bản Oxford, xuất bản năm 2003. Với giáo trình này, việc đáp ứng nhu cầu giao tiếp cũng như khả năng tìm được việc làm cao sau khi tốt nghiệp trong thời lượng 90 tiết thì điều không thể thực hiện được.

### **3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

#### **3.1. Đối tượng tham gia chương trình**

Đối tượng của chương trình là những học sinh đã học xong chương trình tiếng Anh cơ bản theo khung chương trình quy định ở bậc TCCN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nhưng trình độ ngoại ngữ vẫn chưa đạt Bậc 3 theo yêu cầu của *Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020*.

Do có sự phân hóa trình độ cao đối với học sinh TCCN nên những học sinh đã hoàn thành Bậc 1 thì tham gia học chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường Bậc 1 lên Bậc 2. Những học sinh đã đạt Bậc 2 thì tham gia học chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường Bậc 2 lên Bậc 3.

#### **3.2. Mục tiêu chung của chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường TCCN**

Theo quy định của ĐANNQG 2020, học sinh TCCN sau khi tốt nghiệp phải đạt trình độ tiếng Anh Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (tương đương với cấp độ B1 của Khung năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu). Do đặc thù công việc của ngành Du lịch, học sinh có năng lực sử dụng khoảng 2000 từ vựng chuyên ngành Du lịch vào công việc chuyên môn của mình.

### **3.3. Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN từ Bậc 1 lên Bậc 2**

#### **3.3.1. Mục tiêu tổng quát**

- Học sinh có thể hiểu câu và các cụm từ thông thường trong các chủ đề quen thuộc.
- Học sinh có thể giao tiếp ở cấp độ đơn giản, thực hiện các yêu cầu cơ bản và nắm bắt được thông tin khi giao tiếp trong các bối cảnh quen thuộc.
- Học sinh có thể dùng từ vựng đơn giản để miêu tả lý lịch cá nhân, bối cảnh trực tiếp hay những chủ đề về các nhu cầu cấp bách.

#### **3.3.2. Mục tiêu cụ thể**

**Kỹ năng nói**, học sinh có thể:

- Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về quê hương đất nước, công việc, thời gian rảnh rỗi, thích và không thích.
- Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về các sự kiện trong quá khứ. Ví dụ: Hỏi và đáp về thời gian và nơi tổ chức buổi tiệc, những ai có mặt và chuyện gì đã xảy ra ở đó.
- Mời và chấp nhận hoặc từ chối lời mời một cách lịch sự.
- Xin lỗi và nhận lời xin lỗi.
- Nói về gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các vấn đề trong cuộc sống hằng ngày.
- Nói về các kinh nghiệm cá nhân, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão.
- Nêu lý do và giải thích các ý kiến hoặc kế hoạch cá nhân.

**Kỹ năng nghe**, học sinh có thể:

- Hiểu những thông tin và câu hỏi đơn giản về gia đình, con người, thành phố quê hương, công việc, sở thích ...
- Hiểu được các tình huống giao tiếp đơn giản hàng ngày nếu được nói chậm, rõ ràng, có gợi ý.
- Hiểu được các đàm thoại ngắn về gia đình, sở thích và cuộc sống hằng ngày.
- Hiểu được các bản tin ngắn gọn, đơn giản ở sân bay và nhà ga xe lửa.
- Hiểu được các thông tin chính trong các thông báo, ví dụ: dự báo thời tiết

**Kỹ năng đọc**, học sinh có thể:

- Hiểu được các bài khóa ngắn gọn, đơn giản có phần từ vựng quen thuộc.

- Tìm được những thông tin quan trọng nhất trong các quảng cáo, tờ rơi, trang web, catalogues, thời gian biểu ...
- Hiểu được các ý chính trong các bản tin ngắn, đơn giản nếu biết đôi chút về chủ đề đó.
- Hiểu được các thông điệp đơn giản từ bạn bè.

**Kỹ năng viết**, học sinh có thể:

- Viết về những chủ đề đơn giản, quen thuộc.
- Viết những thông điệp đơn giản, ví dụ: viết thư mời, hẹn gặp hoặc thay đổi lời mời, lời hẹn.
- Viết thư/lời nhắn/bưu thiếp cho bạn bè để thông báo tin tức cá nhân hoặc hỏi thăm.
- Sử dụng ngôn ngữ đơn giản để viết về các sự việc và con người mà bản thân biết rõ. Ví dụ: tả một người bạn, kể lại sự việc đã xảy ra ngày hôm qua ...
- Mô tả bản thân, gia đình và mọi người chung quanh.
- Mô tả nền tảng giáo dục cá nhân, công việc trước đây và hiện tại.
- Mô tả sở thích cá nhân.
- Mô tả thành phố quê hương, nơi bản thân đang sinh sống.
- Mô tả ngày nghỉ cuối tuần hoặc kỳ nghỉ vừa qua.

**3.3.3. Nội dung**

Nội dung được thiết kế để thực hiện việc dạy kết hợp giữa tiếng Anh cơ bản quy định cho Bậc 2<sup>1</sup> và phần kiến thức chuyên ngành dành cho ngành Du lịch<sup>2</sup> theo hướng thực hành nghề nghiệp.

**NỘI DUNG PHẦN KIẾN THỨC CƠ BẢN BẬC 1 LÊN BẬC 2**

<b>Chủ điểm (Topics)</b>	<b>Kỹ năng (Skills)</b>	<b>Chức năng/ Khái niệm (Functions/notions)</b>	<b>Ngữ pháp (Grammar)</b>	<b>Từ vựng (Vocabulary)</b>
Home and Family	Reading for general information	Describing things, rooms in a house. Describing family	There is/are ... ...has/have got ...	Furnitures, rooms in a house, family tree

<sup>1</sup> North, Ortega, Sheehan (2010)

Sarah Cunningham, Peter Moor Jane Comyns Carr (2006)

<sup>2</sup> Maja Olejniczak (2011)

	Listening for gist	relationship.	Simple present tense	
Hobbies and leisure activities	Speaking- Interviewing Speaking on the phone Reading for general information	Describing habits and routines Describing outdoor and indoor activities Expressing personal opinions about entertainment	Present Simple Adverbs of frequency Prepositional phrases (place, time and movement)	Sports Films Books
Shopping	Reading for details Speaking	Describing places, things Request Suggestion	Articles-with uncountable and countable nouns Much-many Any-some Verb-ING	Food and drink Things in the town, shops and shopping
People and places	Reading for general information Sentence writing	Describing places, people Describing past experiences	Comparatives and superlatives with adjectives Using definite articles Future time (will and going to) Present continuous for future	Travel and services Means of transports Tickets Hotels
Work and jobs	Listening for general information Speaking-interviewing	Obligation and necessity Describing duties	Modal verbs-have to, must, should Phrasal verbs Verbs +to infinitive	Adjectives of personality Work place Jobs Qualifications
School life	Listening for details	Describing past experience and	Past simple Wh-question in	School and college's subjects

	Speaking Reading for details	events. Expressing feelings	past Modal verbs-can could	Types of examination Methods of learning
Foods and drinks	Listening for gist. Speaking Sentence writing	Describing food and drink. Ordering and taking orders	Countable and uncountable nouns. Modal verbs Would like + to-infinitive	Foods and drinks Menu
The world around us	Reading for general information Paragraph writing	Describing surroundings, animal life. Expressing ability	Can and can't for ability Use of articles Present Perfect simple Time phrases with Present Perfect Simple	Animals and natural features.

### NỘI DUNG PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH BẬC 1 LÊN BẬC 2

<b>Chủ đề (Topics)</b>	<b>Kỹ năng (Skills)</b>	<b>Chức năng/ Khái niệm (Functions/notions)</b>	<b>Ngữ pháp (Grammar)</b>	<b>Từ vựng (Vocabulary)</b>
Tourism	Reading for specific information Listening for specific information Speaking	Describing job skills Describing job routines	Simple Present tense and Present continuous	Tourism features Adjectives for job skills Industry sectors
House keeping	Reading for details	Describing places, things	There is/ are Have / Has	Types of accommodation

	Speaking Listening for details Paragraph writing	Describing service provision	got	Services and facilities
Hotel Management	Listening for gist Reading for specific information Speaking- Interviewing Writing personal profile	Making comparisons Describing skills and personality	Comparatives and Superlatives	Skills and personality
Hotel security	Reading for general information Sentence writing Listening for specific information	Describing rules and regulations Oligation and Necessity	Modal verbs- have to, must, should Phrasal verbs Verbs +to infinitive	Hotel facilities and services Describing hotel security adjectives and nouns
Food and Beverage	Listening for details Reading for details Speaking- Interviewing Paragraph writing	Describing food and drinks Making invitations, offers, suggestions –	Past Simple Modal verbs Can and could in request Suggestion structures	Adjectives describing food and drinks



Vietnam Cuisine	Reading for general information Speaking Sentence writing	Giving instructions Making reservations Ordering and taking orders	Countable & Uncountable Polite requests (Prepositions of time and place/position)	
Bakery/ Pastry	Listening for gist Speaking Sentence writing	Describing recipe and ingredient Giving Instructions	Expressions of Quantity Question words Imperative case	Recipe and Ingredients and Preparation
Western Food preparation	Reading for specific information Speaking Paragraph writing	Describing steps of a process Asking for and giving advice Giving Instructions	Question words Time words for sequence (first, next, then, after that ...) Quick questions and responses to check understanding	Food: Ingredients and Preparation

#### **3.3.4. Kiểm tra và đánh giá**

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm cung cấp thông tin phản hồi về sự tiến bộ và kết quả học tập học sinh đạt được trong quá trình học cũng như thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần bám sát mục tiêu và nội dung giảng dạy của chương trình, dựa trên mục tiêu đã đặt ra cho bốn kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết.

### 3.3.4.1. *Đánh giá quá trình*

Mục tiêu của đánh giá quá trình là giúp cho giáo viên cũng như học sinh theo dõi được sự tiến bộ trong việc thực hiện các mục tiêu của chương trình đặt ra. Bài đánh giá quá trình được thiết kế dưới các thể loại bài tập để kiểm tra cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Trong đó, kỹ năng nói được thể hiện dưới dạng phỏng vấn hoặc đối thoại theo cặp hoặc trình bày nhóm trước lớp. Các nội dung chuyên ngành không đưa vào đánh giá cuối kỳ mà sẽ đưa vào đánh giá quá trình với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, ngữ pháp và từ vựng.

### 3.3.4.2. *Đánh giá cuối kỳ*

Việc đánh giá cuối kỳ, thực hiện tại thời điểm cuối học kỳ hoặc cuối năm học sẽ giúp đánh giá mức độ đạt được cuối cùng của các mục tiêu cụ thể của chương trình. Đánh giá cuối kỳ được thực hiện để kiểm tra 4 kỹ năng dựa trên tiêu chí về năng lực đầu ra làm cơ sở cho các quyết định đánh giá của giáo viên đối với học sinh. Các hình thức kiểm tra căn cứ chủ yếu vào các dạng thức đề thi theo quy định của ĐANNQG 2020.

Hoạt động đánh giá cuối kỳ cho chương trình<sup>3</sup> bao gồm:

<b>Kỹ năng</b>	<b>Mục tiêu cụ thể</b>	<b>Hoạt động đánh giá</b>
<b>Nói</b>	Học sinh có thể: - Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về quê hương, đất nước, công việc, thời gian rảnh rỗi, thích và không thích. - Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về các sự kiện trong quá khứ. - Nói về gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các vấn đề trong cuộc sống hằng ngày. - Nói về các kinh nghiệm cá nhân, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão.	- Học sinh tham gia phỏng vấn với giáo viên. - Thảo luận theo cặp.
<b>Nghe</b>	Học sinh có thể: - Hiểu những thông tin và câu hỏi đơn giản về gia đình, con người, thành phố quê hương, công việc, sở thích ...	- Nghe và chọn 1 trong 3 phương án với hình ảnh. - Nghe đối thoại dài và

<sup>3</sup> CEF (2001)

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày nếu được nói chậm, rõ ràng và có gợi ý.</li> <li>- Hiểu được các đàm thoại ngắn về gia đình, sở thích và cuộc sống hằng ngày.</li> <li>- Hiểu được các thông tin chính trong các thông báo, ví dụ: dự báo thời tiết ...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>lựa chọn cho phù hợp với 8 câu gợi ý.</li> <li>- Nghe đối thoại dài và lựa chọn với 3 phương án.</li> <li>- Nghe đối thoại dài và điền vào chỗ trống.</li> </ul>
<b>Đọc hiểu</b>	<p>Học sinh có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được các bài khóa ngắn gọn, đơn giản có phân từ vựng quen thuộc.</li> <li>- Tìm được những thông tin quan trọng nhất trong các quảng cáo, thời gian biểu, trang web, ...</li> <li>- Hiểu được các ý chính trong các bản tin ngắn, đơn giản nếu biết đôi chút về chủ đề đó.</li> <li>- Hiểu được các thông điệp đơn giản từ bạn bè qua tin nhắn, thư điện tử, bưu ảnh...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và lựa chọn với 8 bảng thông báo.</li> <li>- Đọc và nhận dạng từ vựng qua 3 phương án.</li> <li>- Đọc và chọn lựa lời đáp phù hợp cho hội thoại.</li> <li>- Đọc lấy thông tin chi tiết với 3 lựa chọn</li> <li>- Đọc và nhận biết những từ, cụm từ và cấu trúc phù hợp qua 3 phương án.</li> </ul>
<b>Viết</b>	<p>Học sinh có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết những thông điệp đơn giản, ví dụ viết thư mời, hẹn gặp hoặc thay đổi lời mời, lời hẹn ... với những từ gợi ý.</li> <li>- Sử dụng ngôn ngữ đơn giản để viết về các sự việc và con người mà bản thân biết rõ. Ví dụ: tả một người bạn, kể lại sự việc đã xảy ra ngày hôm qua ...</li> <li>- Mô tả sở thích cá nhân.</li> <li>- Mô tả ngày nghỉ cuối tuần hoặc kỳ nghỉ vừa qua.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết từ theo định nghĩa.</li> <li>- Điền từ để hoàn thành một lá thư mời hoặc thông báo.</li> <li>- Tìm thông tin từ những thông báo và lá thư để điền vào những ghi chú.</li> <li>- Viết một lá thư điện tử trả lời đầy đủ những yêu cầu của câu hỏi.</li> </ul>

### **3.4. Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN từ Bậc 2 lên Bậc 3**

#### **3.4.1. Mục tiêu tổng quát**

- Học sinh có thể hiểu những ý chính trong ngôn ngữ thông qua các chủ đề quen thuộc thường gặp trong công việc, ở trường học hay khu vui chơi.
- Học sinh có thể thực hiện được các tình huống giao tiếp cũng như khả năng giải quyết các tình huống nảy sinh trong công việc.
- Học sinh có thể viết về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hoặc các vấn đề liên quan đến sở thích cá nhân, nghề nghiệp, công việc.
- Học sinh có thể miêu tả các sự kiện, các lễ hội, phong tục tập quán của một số vùng miền trong nước và một số vùng trên thế giới.

#### **3.4.2. Mục tiêu cụ thể**

**Kỹ năng nói**, học sinh có thể:

- Bắt đầu và kết thúc hội thoại về các đề tài quen thuộc hoặc sở thích cá nhân.
- Đưa ra ý kiến cá nhân trong thảo luận với bạn bè, đồng ý hoặc không đồng ý một cách lịch sự.
- Giao tiếp qua điện thoại với những người quen biết.
- Mô tả về các chủ đề quen thuộc khác nhau liên quan đến sở thích.
- Nói về những trải nghiệm và cảm xúc cá nhân.
- Trình bày ngắn gọn về các lĩnh vực quen thuộc và trả lời các câu hỏi một cách rõ ràng.

**Kỹ năng nghe**, học sinh có thể:

- Hiểu những ý chính của ngôn ngữ chuẩn mực về các đề tài quen thuộc hằng ngày.
- Hiểu rõ những ý chính trong các cuộc thảo luận về các đề tài thường gặp.
- Hiểu những thông tin đơn giản về kỹ thuật như cách vận hành, sử dụng các đồ dùng đơn giản trong gia đình.

**Kỹ năng đọc**, học sinh có thể:

- Hiểu ý chính trong các bài đọc liên quan đến sở thích cá nhân, các lĩnh vực trong đời sống hằng ngày.
- Hiểu những thông tin trong các tờ rơi quảng cáo hoặc các bài đọc ngắn liên quan đến công việc.

- Hiểu ý chính các bài báo trong tạp chí về những vấn đề thời sự hoặc đề tài quen thuộc.
- Hiểu được các bức thư cá nhân về các sự kiện, cảm xúc hoặc ước muốn và có khả năng phúc đáp.

**Kỹ năng viết**, học sinh có thể:

- Viết những bài viết ngắn về các chủ đề quen thuộc.
- Viết những bài viết đơn giản về các trải nghiệm và cảm xúc cá nhân qua các chuyến đi.
- Viết thư điện tử, tin nhắn ngắn gọn cho bạn bè hoặc đồng nghiệp.

### 3.4.3. Nội dung

Nội dung được thiết kế để thực hiện việc dạy kết hợp giữa tiếng Anh cơ bản quy định cho Bậc 3<sup>4</sup> và phần kiến thức chuyên ngành dành cho ngành Du lịch<sup>5</sup> theo hướng thực hành nghề nghiệp.

#### NỘI DUNG PHẦN KIẾN THỨC CƠ BẢN BẬC 2 LÊN BẬC 3

Chủ điểm (Topics)	Kỹ năng (Skills)	Chức năng/ Khái niệm (Functions/notions)	Ngữ pháp (Grammar)	Từ vựng (Vocabulary)
Education	Reading for gist Speaking Listening for details	Describing subjects Describing school life, rules and regulations	Past tense Past continuous Modals: mustn't/ can't Comparatives and superlatives	Learning facilities Systems of education Qualifications
News	Listening for gist Reading for specific information Paragraph	Initiating and closing conversation Describing means of	Intensifiers such as <i>too</i> , <i>enough</i> Complex tag questions	Types of communication Newspaper Magazine Report

<sup>4</sup> North, Ortega, Sheehan (2010)

Sarah Cunningham, Peter Moor Jane Comyns Carr (2006)

<sup>5</sup> Eric H. Glendinning, John McEvan (2010)

	writing	communication Giving and responding to reports	Passive voices Phrasal verbs	
Films	Listening for general information Speaking Reading for main ideas	Describing feelings and emotions Expressing opinions, language of narrative description	Modals Past perfect Past simple	Types of films Characters Events
Books and literature	Reading and identifying lexical items Speaking	Checking understanding Describing experience and events	Connecting words Phrasal verbs Passive voices	Kinds of books, novels Characters
Time off	Listening for specific information Speaking	Expressing intentions and wishes Making predictions	Going to, planning to, would like to, would rather. Will/won't	Holidays, leisure activities
Ambitions and dreams	Reading for specific information Speaking - interviewing	Expressing ambitions and dreams	Present perfect and past simple with <i>for</i> and other time words	Ambitions, achievements, dreams
Take care!	Reading comprehension- Identifying main points	Expressing past habits. Asking for and Giving advice.	Used to, would. Should/ shouldn't	Health and accidents

	Short paragraph writing			
Lifestyle, current affairs	Reading for specific information Speaking Listening for general information	Describing feelings and emotions Describing places Managing interaction (Interrupting, changing topic, resuming or continuing)	Present perfect Simple and continuous Future continuous Conditional 1 <sup>st</sup> and 2 <sup>nd</sup>	Adjectives describing characteristics of things, people Political events Cultural events Economic events

### NỘI DUNG PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH BẬC 2 LÊN BẬC 3

Tourism Jobs	Listening for details Reading for main ideas Writing a report	Describing job skills Describing job routines	Modals: mustn't/ can't Need to be / Need to have	Types of jobs Adjectives for job skills Skills and qualities
Tour guiding	Speaking Reading for specific information	Greeting and introducing Responding to special requests Identifying and checking special needs	“Open” and “closed” questions Intensifiers such as <i>too</i> , <i>enough</i> Suggestions and advice Passive voice	Technical vocabulary Words in context
Tour operations	Listening for details	Degrees of future probability	Past perfect Past simple	Tour operations and Contracts

	Speaking Writing formal emails and letters	Negotiating Describing service provision	Prepositions of time Asking questions	Formal and Informal language
Travel Operations	Writing a report Speaking	Producing a questionnaire Responding politely to questions and requests	Asking question politely Going to, planning to, would like to, would rather. Will/won't	Sales terms
Transport and accommodation	Listening for details Speaking Reading for specific information	Describing feelings and emotion Describing places Checking schedules Taking reservations	Present perfect and past simple with <i>for</i> and other time words	Types of transport and accommodation Adjectives describing transport and accommodation Services and facilities
Events management	Listening for specific information Reading for specific information Speaking	Explaining and defining Briefing and clarifying arrangements	Present perfect Simple and continuous Future continuous Conditional 1 <sup>st</sup> and 2 <sup>nd</sup>	Technical vocabulary Words in context



#### **3.4.4. Kiểm tra và đánh giá**

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm cung cấp thông tin phản hồi về sự tiến bộ và kết quả học tập học sinh đạt được trong quá trình học cũng như thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần bám sát mục tiêu và nội dung giảng dạy của chương trình, dựa trên mục tiêu đã đặt ra trên bốn kỹ năng ngôn ngữ, nghe, nói, đọc, viết.

##### **3.4.4.1. Đánh giá quá trình**

Mục tiêu của đánh giá quá trình là giúp cho giáo viên cũng như học sinh theo dõi được sự tiến bộ trong việc thực hiện các mục tiêu của chương trình đặt ra. Bài đánh giá quá trình được thiết kế dưới các thể loại bài tập để kiểm tra cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Trong đó, kỹ năng nói được thể hiện dưới dạng phỏng vấn hoặc đối thoại theo cặp hoặc trình bày nhóm trước lớp. Các nội dung chuyên ngành có thể không đưa vào đánh giá cuối kỳ mà sẽ đưa vào đánh giá quá trình với các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, ngữ pháp và từ vựng.

##### **3.4.4.2. Đánh giá cuối kỳ**

Việc đánh giá cuối kỳ, thực hiện tại thời điểm cuối học kỳ hoặc cuối năm học sẽ giúp đánh giá mức độ đạt được cuối cùng của các mục tiêu cụ thể của chương trình. Đánh giá cuối kỳ được thực hiện để kiểm tra 4 kỹ năng dựa trên tiêu chí về năng lực đầu ra làm cơ sở cho các quyết định đánh giá của giáo viên đối với học sinh. Các hình thức kiểm tra đánh giá cuối kỳ có thể căn cứ vào các dạng thức đề thi theo quy định của ĐANNQG 2020.

Hoạt động đánh giá cuối kỳ cho chương trình <sup>6</sup> thường bao gồm:

<b>Kỹ năng</b>	<b>Mục tiêu cụ thể</b>	<b>Hoạt động đánh giá</b>
<b>Nói</b>	Học sinh có thể: - Bắt đầu và kết thúc hội thoại về các đề tài quen thuộc hoặc sở thích cá nhân. - Đưa ra ý kiến cá nhân trong thảo luận với bạn bè, đồng ý hoặc không đồng ý một cách lịch sự.	- Người học tham dự cuộc phỏng vấn trực tiếp với giáo viên. - Trình bày cá nhân về một chủ điểm.

<sup>6</sup> CEF (2001)

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao tiếp qua điện thoại với những người quen biết.</li> <li>- Nói về các chủ đề quen thuộc khác nhau liên quan đến sở thích.</li> <li>- Nói về những trải nghiệm và cảm xúc cá nhân.</li> <li>- Trình bày ngắn gọn về các lĩnh vực quen thuộc và trả lời các câu hỏi một cách rõ ràng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận theo cặp.</li> <li>- Hỏi và trả lời những câu hỏi chuyên sâu của chủ đề.</li> </ul>
<b>Nghe</b>	<p>Học sinh có thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu những ý chính của ngôn ngữ chuẩn mực về các đề tài quen thuộc hằng ngày.</li> <li>- Hiểu rõ những ý chính trong các cuộc thảo luận về các đề tài thường gặp.</li> <li>- Hiểu những thông tin đơn giản về kỹ thuật như cách vận hành, sử dụng các đồ dùng đơn giản trong gia đình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nghe dưới nhiều dạng bài kiểm tra như: hình thức trắc nghiệm, điền từ, trả lời đúng sai, lựa chọn câu trả lời phù hợp.</li> </ul>
<b>Đọc hiểu</b>	<p>Học sinh có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu ý chính trong các bài đọc liên quan đến sở thích cá nhân, các lĩnh vực trong đời sống hằng ngày.</li> <li>- Hiểu những thông tin trong các tờ rơi quảng cáo hoặc các bài đọc ngắn liên quan đến công việc.</li> <li>- Hiểu ý chính của bài báo trong tạp chí về những vấn đề thời sự hoặc đề tài quen thuộc.</li> <li>- Hiểu được các bức thư cá nhân về các sự kiện, cảm xúc hoặc ước muốn và có khả năng phúc đáp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra đọc hiểu dưới nhiều dạng như: bài tập trắc nghiệm với 3 khả năng lựa chọn, bài tập chọn câu trả lời tương thích, trả lời đúng sai, trắc nghiệm với 4 lựa chọn trong bài tập điền từ.</li> </ul>
<b>Viết</b>	<p>Học sinh có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết những bài viết ngắn về những chủ đề quen thuộc.</li> <li>- Viết những bài viết đơn giản về các trải nghiệm và cảm xúc cá nhân qua các chuyến đi.</li> <li>- Viết các thư điện tử, tin nhắn ngắn gọn cho bạn bè hoặc đồng nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Viết một đoạn văn ngắn.</li> <li>-Viết thư điện tử.</li> <li>-Viết câu chuyện ngắn về các chủ đề quen thuộc.</li> </ul>

### **3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

#### **3.5.1. Yêu cầu về đối tượng tham gia**

Học sinh tham gia chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường hệ TCCN Bậc 1 lên Bậc 2 hoặc Bậc 2 lên Bậc 3 phải tham dự một bài kiểm tra đầu vào xếp trình độ (placement test). Học sinh đạt kết quả kiểm tra đầu vào tương đương Bậc 1 sẽ tham gia chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường Bậc 1 lên Bậc 2. Học sinh đạt kết quả kiểm tra đầu vào tương đương Bậc 2 sẽ tham gia chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường Bậc 2 lên Bậc 3.

#### **3.5.2. Điều kiện thực hiện chương trình**

Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường Bậc 1 lên Bậc 2 và Bậc 1 lên Bậc 3 được xây dựng bám sát theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành bao gồm 2 hình thức phi trực tuyến và trực tuyến cụ thể như sau:

##### ***Hình thức phi trực tuyến:***

Chương trình Bậc 1 lên Bậc 2 có thời lượng đề nghị là 180 tiết, trong đó học sinh học tại lớp là 90 tiết và tự học với sự hướng dẫn của giáo viên là 90 tiết. Chương trình học tại lớp 90 tiết (thời gian mỗi tiết là 45 phút) gồm 2 nội dung được đề nghị như sau: tiếng Anh cơ bản gồm 8 chủ đề dạy trong 60 tiết và tiếng Anh chuyên ngành gồm 5 chủ đề được lựa chọn trong 8 chủ đề đưa ra với số tiết dạy là 60.

Chương trình Bậc 2 lên Bậc 3 có thời lượng đề nghị là 360 tiết, trong đó học sinh học tại lớp là 180 tiết và tự học với sự hướng dẫn của giáo viên là 180 tiết. Chương trình học tại lớp cũng gồm 2 nội dung như sau: tiếng Anh cơ bản gồm 8 chủ đề dạy trong 60 tiết và tiếng Anh chuyên ngành gồm 5 chủ đề được lựa chọn trong 7 chủ đề đưa ra trong thời lượng 60 tiết.

##### ***Hình thức trực tuyến:***

Cả 2 chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường hệ TCCN Bậc 1 lên Bậc 2 và Bậc 2 lên Bậc 3 đều được thực hiện thông qua tài khoản trực tuyến được gửi trực tiếp đến cho học sinh. Học sinh phải tự sắp xếp thời gian để tham gia đầy đủ và có trách nhiệm với các hoạt động của khóa học trực tuyến. Giáo viên cần sắp xếp các buổi gặp mặt trực tiếp (off-line) để giải đáp các thắc mắc của học sinh và hướng dẫn thêm nếu cần thiết.

#### **3.5.3. Phạm vi thực hiện**

Chương trình này được áp dụng cho tất cả các cơ sở đào tạo TCCN trong toàn quốc hoặc các trường cao đẳng có hệ TCCN có đầy đủ điều kiện tổ chức thực hiện, đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và đội ngũ quản lý.

#### **3.5.4. Phương pháp dạy-học**

##### ***Tự học có hướng dẫn (Guided Independent Learning/Study - GIL/GIS):***

Để giúp học sinh tự học, giáo viên cần hướng dẫn học sinh:

- Xác định lĩnh vực kiến thức hay kỹ năng trong hoặc ngoài chương trình chính thức mình cần phải nâng cao hay quan tâm học hỏi. Ví dụ: học sinh quan tâm đến chuyên ngành có thể muốn học thêm từ vựng có liên quan về việc điều hành tour (tour operation) hay nâng cao kiến thức về chủ đề này thông qua đọc các bài báo bằng tiếng Anh.

- Xác định mục tiêu mình cần đạt đối với kiến thức và kỹ năng đã được chọn. Ví dụ: học sinh quan tâm mở rộng kiến thức về việc điều hành tour du lịch có thể đặt mục tiêu hiểu chi tiết các bài báo mình đọc (reading for details).

- Lập kế hoạch thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra. Ví dụ: với mục đích đọc hiểu chi tiết bài báo về việc điều hành tour du lịch, mỗi tuần học sinh tìm một bài báo, đọc và viết tóm tắt lại những chi tiết mình quan tâm.

- Hỗ trợ học sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch. Ví dụ: giúp học sinh tìm nguồn tài liệu trên internet hay giải quyết các khó khăn về đọc hiểu mà học sinh gặp phải.

- Hướng dẫn học sinh tự đánh giá mức độ đạt được và tổ chức cho học sinh đánh giá kết quả lẫn nhau. Ví dụ: có thể tổ chức buổi trình bày kết quả tự học, để học sinh có cơ hội đánh giá và học hỏi lẫn nhau về các kỹ năng tự học.

##### ***Phương pháp dạy học tích hợp ngôn ngữ và chuyên ngành (Content and Language Integrated Learning - CLIL):***

Đối với khối kiến thức chuyên ngành, giáo viên cần khai thác phương pháp tích hợp ngôn ngữ và chuyên ngành thông qua:

- Chọn lựa tài liệu tiếng Anh chuyên ngành phù hợp với chủ đề của chương trình và biên soạn tài liệu trên cơ sở hỗ trợ học sinh tiếp thu kiến thức chuyên ngành.

- Khai thác nội dung ngôn ngữ bằng cách biên soạn bổ sung các hoạt động nâng cao ý thức ngôn ngữ hay thủ đắc ngôn ngữ bên cạnh nội dung chuyên ngành.

Chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường hệ TCCN được thiết kế với 2 nội dung: tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành, trong đó tiếng Anh cơ bản được đưa vào giai đoạn 1 và tiếng Anh chuyên ngành được đưa vào giai đoạn 2 với phương pháp dạy học tích hợp năng lực ngôn ngữ với chuyên môn nghề nghiệp (CLIL).

Để đạt được mục tiêu cụ thể, giáo viên tham gia chương trình cần vận dụng linh hoạt các hoạt động dạy-học theo phương pháp giao tiếp kết hợp cả 4 kỹ năng nghe nói đọc viết.

### **3.5.4.1. Các hoạt động dạy-học cho chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường hệ TCCN Bậc 1 lên Bậc 2**

<b>Kỹ năng</b>	<b>Mục tiêu cụ thể</b>	<b>Hoạt động dạy-học</b>
<b>Nói</b>	<p>Học sinh có thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về quê hương, đất nước, công việc, thời gian rảnh rỗi, thích và không thích.</li> <li>- Hỏi trả lời các câu hỏi đơn giản về các sự kiện trong quá khứ.</li> <li>- Nói về gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các vấn đề trong cuộc sống hằng ngày.</li> <li>- Nói về các kinh nghiệm cá nhân, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão. Nói về các kinh nghiệm cá nhân, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão.</li> <li>- Nêu lý do và giải thích các ý kiến hoặc kế hoạch cá nhân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi và trả lời giữa giáo viên và học sinh.</li> <li>- Hội thoại theo cặp.</li> <li>- Thảo luận theo nhóm.</li> <li>- Phỏng vấn.</li> <li>- Đóng vai theo hội thoại.</li> </ul>
<b>Nghe</b>	<p>Học sinh có thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu những thông tin và câu hỏi đơn giản về gia đình, con người, thành phố quê hương, công việc, sở thích ...</li> <li>- Hiểu các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày nếu được nói chậm, rõ ràng và có gợi ý.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu những ý chính của thông tin.</li> <li>- Nghe những cuộc nói chuyện qua điện thoại.</li> <li>- Nghe để nắm rõ các</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu các đàm thoại ngắn về gia đình, sở thích và cuộc sống hằng ngày.</li> <li>- Hiểu các thông tin chính trong các thông báo, ví dụ: dự báo thời tiết ...</li> </ul>	chi tiết của thông tin.
<b>Đọc hiểu</b>	<p>Học sinh có thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu các bài khóa ngắn gọn, đơn giản có phần từ vựng quen thuộc.</li> <li>- Tìm được những thông tin quan trọng nhất trong các quảng cáo, thời gian biểu, trang web, ...</li> <li>- Hiểu các ý chính trong các bản tin ngắn, đơn giản.</li> <li>- Hiểu các thông điệp đơn giản từ bạn bè qua tin nhắn, thư điện tử, bưu ảnh...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc lướt để lấy thông tin chính.</li> <li>- Đọc để lấy các thông tin chi tiết.</li> <li>- Thảo luận theo cặp để trả lời các câu hỏi về nội dung của thông tin.</li> <li>- Thảo luận theo nhóm và trình bày trước lớp về nội dung thông tin đọc được.</li> </ul>
<b>Viết</b>	<p>Học sinh có thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết thư cá nhân mô tả kinh nghiệm, cảm tưởng về một sự việc nào đó.</li> <li>- Viết những thông điệp đơn giản, ví dụ viết thư mời, hẹn gặp hoặc thay đổi lời mời, lời hẹn.</li> <li>- Sử dụng ngôn ngữ đơn giản để viết về các sự việc và con người mà bản thân biết rõ. Ví dụ: tả một người bạn, kể lại sự việc đã xảy ra ngày hôm qua ...</li> <li>- Mô tả sở thích cá nhân.</li> <li>- Mô tả ngày nghỉ cuối tuần hoặc kỳ nghỉ vừa qua.</li> <li>- Viết về các dự định và kế hoạch trong tương lai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết thư dưới dạng điền thông tin.</li> <li>- Viết bản tóm tắt một sự kiện đã xảy ra.</li> <li>- Viết đoạn văn theo từ gợi ý.</li> </ul>

**3.5.4.2. Các hoạt động dạy-học cho chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường trình độ TCCN Bậc 2 lên Bậc 3**

<b>Kỹ năng</b>	<b>Mục tiêu cụ thể</b>	<b>Phương pháp dạy-học</b>
<b>Nói</b>	<p>Học sinh có thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bắt đầu và kết thúc hội thoại trực tiếp về các đề tài quen thuộc hoặc sở thích cá nhân.</li> <li>- Đưa ra ý kiến cá nhân trong thảo luận với bạn bè, đồng ý hoặc không đồng ý một cách lịch sự.</li> <li>- Sử dụng giao tiếp qua điện thoại với những người quen biết.</li> <li>- Mô tả về các chủ đề quen thuộc khác nhau liên quan đến sở thích.</li> <li>- Nói về những trải nghiệm và cảm xúc cá nhân.</li> <li>- Trình bày ngắn gọn về các lĩnh vực quen thuộc và trả lời các câu hỏi một cách rõ ràng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phỏng vấn: hỏi-đáp giữa giáo viên-học sinh.</li> <li>- Thảo luận theo nhóm.</li> <li>- Hội thoại theo cặp.</li> <li>- Đóng vai theo tình huống.</li> <li>- Trình bày theo nhóm trước lớp.</li> </ul>
<b>Nghe</b>	<p>Học sinh có thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu những điểm chính về các đề tài quen thuộc hằng ngày.</li> <li>- Hiểu rõ những điểm chính trong một cuộc thảo luận.</li> <li>- Hiểu những thông tin về kỹ thuật đơn giản như cách vận hành cách làm theo các chỉ dẫn của các vật dụng đơn giản trong gia đình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe nội dung chính của thông tin.</li> <li>- Nghe và điền thông tin.</li> <li>- Nghe để lấy thông tin chi tiết.</li> </ul>
<b>Đọc hiểu</b>	<p>Học sinh có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu ý chính trong một bài đọc về những đề tài liên quan đến sở thích cá nhân và có khả năng nhận biết được các ý kiến xoay quanh chủ đề đó.</li> <li>- Hiểu những thông tin trong một tờ rơi quảng cáo hoặc một bài đọc ngắn liên quan đến sở</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về ý chính của chủ đề.</li> <li>- Đọc lướt để lấy thông tin chính.</li> <li>- Đọc để lấy thông</li> </ul>

	thích cá nhân. - Hiểu ý chính trong một bài báo ở tạp chí về những đề tài thời sự hoặc đề tài quen thuộc. - Hiểu được các bức thư cá nhân nói về các sự kiện, cảm xúc hoặc ước muốn và có khả năng phúc đáp.	tin chi tiết. - Đọc và điền thông tin. - Đọc và lựa chọn các tiêu đề phù hợp.
<b>Viết</b>	Học sinh có thể: - Viết những bài viết ngắn về các đề tài quen thuộc. - Viết bài viết đơn giản về các trải nghiệm cá nhân như về một chuyến đi hoặc mô tả phản ứng cá nhân đối với các trường hợp cụ thể. - Viết các email, tin nhắn đầy đủ thông tin cho bạn bè hoặc đồng nghiệp.	- Viết từng đoạn văn ngắn. - Viết văn theo thể loại mô tả. - Viết e-mail theo các câu hỏi gợi ý.

### 3.5.5. Tài liệu dạy-học

Dựa trên chương trình, giáo viên cần soạn tài liệu bảo đảm chuyển tải được các nội dung của chương trình. Trong trường hợp giáo viên không thể hoặc không có đủ khả năng biên soạn tài liệu đúng theo nội dung chương trình, giáo viên có thể chọn các giáo trình tương thích với các cấp độ của chương trình. Những giáo trình dưới đây được đề nghị đưa vào sử dụng cho chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường theo từng cấp độ tương ứng như Bậc 1 lên Bậc 2 là sơ cấp (Elementary) và Bậc 2 lên Bậc 3 là sơ trung cấp (Pre-intermediate):

**Face to Face** bao gồm *Sách dành cho người học* (Students' Book) và *Sách bài tập* (Workbook) do các tác giả Chris Redston and Gillie Cunningham biên soạn và do NXB Cambridge University Press ấn hành năm 2005, được đề nghị sử dụng vì đây là bộ sách nằm trong danh mục sách dùng để giảng dạy theo Khung năng lực ngoại ngữ với đầy đủ các yếu tố đáp ứng cho từng bậc từ Bậc 1 lên Bậc 2.

**New Cutting Edge** bao gồm *Sách dành cho người học* (Students' Book) và *Sách bài tập* (Workbook) do các tác giả Sarah Cunningham, Peter Moor và Jane Comyns Carr biên soạn và do NXB Longman ấn hành năm 2006. Đây là bộ sách nằm trong danh mục sách dùng để giảng dạy theo Khung năng lực ngoại ngữ với đầy đủ các yếu tố đáp ứng cho từng bậc từ Bậc 1 lên Bậc 6.



**Solutions** bao gồm *Sách dành cho người học* (Students' Book) và *Sách bài tập* (Workbook) do các tác giả Tim Falla, Paul A Davies và do NXB Oxford University Press ấn hành năm 2007. Bộ sách này được soạn phù hợp với chương trình theo từng bậc từ Bậc 1 lên Bậc 6 và đặc biệt là có phần học trực tuyến để phục vụ cho việc tự học của học sinh.

**Tourism 1, Tourism 2, Tourism 3** là 3 cuốn sách nằm trong bộ sách Oxford English For Careers được thiết kế để phục vụ cho nhu cầu tiếng Anh chuyên ngành do các tác giả Robin Walker và Keith Harding và do NXB Oxford University Press ấn hành năm 2011. Bộ sách này tuy không nằm trong danh mục sách để giảng dạy theo Khung năng lực ngoại ngữ nhưng đáp ứng được nhu cầu tiếng Anh chuyên ngành cần thiết cho công việc của học sinh sau khi ra trường.

**Tourism 1** do các tác giả Robin Walker và Keith Harding, Oxford English For Careers và do NXB Oxford University Press ấn hành năm 2011 với 12 đơn vị bài học được thiết kế bao gồm bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tương đương với Bậc 1 của tiếng Anh ngành Du lịch bao gồm các chủ đề giới thiệu các phần cơ bản trong ngành Du lịch cũng như kiến thức phổ thông mà học sinh ngành Du lịch cần được trang bị.

**Tourism 2**, Student's book của Robin Walker và Keith Harding, Oxford English For Careers do Oxford University Press xuất bản năm 2011 gồm 12 đơn vị bài học bao gồm cả 4 kỹ năng đi sâu vào các chuyên ngành Du lịch ở cấp độ phức tạp hơn.

**Tourism 3**, Student's book của tác giả Robin Walker và Keith Harding, do nhà xuất bản Oxford University Press ấn hành năm 2011 là sự tiếp nối các chủ đề trong Tourism 1 và Tourism 2 nhưng được nâng lên ở mức độ cao hơn và bao gồm nhiều bài luyện tập cho cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

**Vietnam Tourism Occupational skills standards in Food & Beverage Service** và **Vietnam Tourism Occupational skills standards in Front Office** là 2 trong số 13 cuốn sách được thiết kế dựa theo tiêu chuẩn VTOS hiện hành, Dự án EU phối hợp với Hội đồng VTCB mô tả chi tiết cũng như hướng dẫn kỹ các năng nghề và hướng dẫn kỹ năng đào tạo cho các nghiệp vụ:

### **3.5.6. *Đội ngũ tham gia chương trình***

- *Đội ngũ quản lý*: Đội ngũ quản lý nhà trường và các chuyên viên phụ trách môn học ở cấp phòng, sở cần tham gia các khóa bồi dưỡng về tổ chức thực hiện chương trình để hỗ trợ đội ngũ giáo viên trong quá trình triển khai chương trình.

- *Đội ngũ giáo viên:*

+ Trình độ: Giáo viên dạy chương trình thí điểm đào tạo tiếng Anh tăng cường phải có trình độ đại học chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (tương đương cấp độ C1 của Khung năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu) để có thể giảng dạy chủ yếu bằng tiếng Anh trên lớp, có kiến thức chuyên môn về công nghệ thông tin và có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

+ Kỹ năng biên soạn tài liệu và giáo trình: Giáo viên tiếng Anh tham gia chương trình cần phải có các kiến thức và kỹ năng cơ bản về biên soạn tài liệu dựa vào chương trình và thay đổi tài liệu cho phù hợp với nhu cầu và trình độ của học sinh.

+ Kỹ năng công nghệ thông tin: Biết kết hợp công nghệ thông tin ở mức độ cơ bản trong giảng dạy và hướng dẫn học sinh tự học qua chương trình trực tuyến.

+ Bồi dưỡng chuyên môn: Đã kinh qua các lớp bồi dưỡng giáo viên về phương pháp giảng dạy dành cho giáo viên TCCN theo *Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020*.

### **3.5.7. Cơ sở vật chất đảm bảo dạy-học**

***Đối với hình thức phi trực tuyến:***

- Số lượng học sinh: Cơ sở học sinh tối đa cho một lớp học theo chương trình tiếng Anh tăng cường là 30 học sinh.

- Phòng học được bố trí bàn ghế dễ di chuyển để tạo điều kiện tổ chức các hoạt động theo cặp nhóm thuận lợi.

- Trang thiết bị: Để bảo đảm thực hiện tốt công tác dạy học tiếng Anh theo chương trình thí điểm tăng cường, các cơ sở đào tạo TCCN phải cung cấp đủ những trang thiết bị nghe, nói như máy cassette, đĩa, máy tính, màn hình, máy chiếu, và hệ thống âm thanh.

***Đối với hình thức trực tuyến:***

- Máy tính cá nhân của học sinh phải được kết nối mạng Internet. Trong trường hợp học sinh không có máy tính cá nhân thì có thể sử dụng máy tính được nối mạng của trường ở các phòng lab hoặc thư viện trường.

- Cần có phòng tư vấn trực tiếp với đầy đủ trang thiết bị nghe nhìn hiện đại được kết nối mạng Internet đáp ứng được mọi nhu cầu học ngoại ngữ.

#### 4. ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

Việc đánh giá chương trình được tiến hành dựa trên cơ sở thu thập minh chứng phục vụ cho đánh giá chương trình đào tạo. Thu thập minh chứng dựa trên nhiều nguồn thông tin và tài liệu khác nhau, ví dụ: xem xét các văn bản, tài liệu liên quan đến chương trình đào tạo (mục tiêu, khung chương trình, đề cương môn học, cơ sở vật chất, phương pháp giảng dạy và học tập), phỏng vấn cá nhân, phỏng vấn theo nhóm, sử dụng phiếu điều tra, phiếu góp ý của học sinh cuối khóa học (end-of-course survey), dự giờ (class observation), nhật ký giảng dạy, sử dụng các chuyên gia đánh giá ngoài và theo dõi kết quả học tập của một nhóm học sinh nhất định theo thời gian.

#### 5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

##### \* Tài liệu tiếng Việt

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2012) *Kế hoạch triển khai dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo năm 2012* (5169/BGDĐT-KHTC ngày 10 tháng 8 năm 2012).

2. Thủ tướng chính phủ (2008) *Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020* (1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008).

##### \* Tài liệu tiếng Anh

3. North, B., Ortega, A. and Sheehan, S. (2010) *A Core Inventory for General English*. British Council/EAQUALS.

4. Walker, R and Harding, K (2011). Oxford English For Careers: *Tourism 1* Oxford University Press.

5. Walker, R and Harding, K (2011). Oxford English For Careers: *Tourism 2* Oxford University Press.

6. Walker, R and Harding, K (2011). Oxford English For Careers: *Tourism 3* Oxford University Press.

-----